

TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 6

Ấn bản 5.6 1983-2002

Họ và tên học sinh _____
Lớp _____ Khóa _____
Thầy/Cô phụ trách _____
Số phòng học _____

*Đói cho sạch,
rách cho thơm.*



Sách Cấp 6, ấn bản 5.6 1983-2002.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Bảy, 2002.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Điện thoại: (408) 486-7085
Điện thư: (408) 998-5018
E-mail: admin@vanlangsj.org
Web site: <http://www.vanlangsj.org>

MỤC LỤC

- Nội Quy	v
- Lời Mở Đầu	vi
- Định Nghĩa.....	vii
- Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả.....	viii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm	xii

Bài học.

- Bài 1: oai, oan	1
- Bài 2: oac, oat	5
- Bài 3: oãn, oăt	9
- Bài 4: học ôn	13
- Bài 5: oanh, oach.....	17
- Bài 6: oang, oăng.....	21
- Bài 7: uân, uât.....	25
- Bài 8: học ôn.....	29
- Bài Thi Mẫu Giữa Khóa	33
- Phiếu Điểm Giữa Khóa.....	37
- Bài 9: uây, uâng.....	39
- Bài 10: uôi, uôm	43
- Bài 11: uộc, uôt.....	47
- Bài 12: học ôn.....	51
- Bài 13: uôn, uông	55
- Bài 14: ươi, ươn	59
- Bài 15: ược, ươt.....	63
- Bài Thi Mẫu Cuối Khóa	69
- Phiếu Điểm Cuối Khóa.....	73

Bài làm ở nhà.

- Bài làm ở nhà 1	75
- Bài làm ở nhà 2	79
- Bài làm ở nhà 3	83
- Bài làm ở nhà 4	87
- Bài làm ở nhà 5	91
- Bài làm ở nhà 6	95
- Bài làm ở nhà 7	99
- Bài làm ở nhà 8	103
- Bài làm ở nhà 9	107
- Bài làm ở nhà 10.....	111
- Bài làm ở nhà 11.....	115
- Bài làm ở nhà 12.....	119
- Bài làm ở nhà 13.....	123
- Bài làm ở nhà 14.....	127
- Bài làm ở nhà 15.....	131
- Bài làm ở nhà 16.....	135
- Bản đồ Việt Nam.....	137
- Bản đồ dân cư	138
- Quốc Ca	139
- Việt Nam Việt Nam	140
- Tài liệu tham khảo	141



NỘI QUY

1. Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục. Học sinh đến lớp trễ 15 phút sau giờ học, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp ban kỉ luật để nhận giấy phép vào lớp.
2. Học sinh nghỉ học phải có thông báo của phụ huynh trước với Thầy Cô giáo, hoặc phải mang theo giấy xin phép của phụ huynh trình bày lí do nghỉ học tuần vừa qua.
3. Học sinh đến lớp trễ 5 buổi liên tiếp, hoặc nghỉ học 3 buổi liên tục mà không có lí do chính đáng, hoặc không xin phép cũng như không có giấy xác nhận của phụ huynh, sẽ không được tiếp tục theo học khóa hiện tại.
4. Học sinh đến trường phải mặc đồng phục gọn gàng.
5. Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy Cô giáo trực tiếp phụ trách. Vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học trong một thời gian hoặc vĩnh viễn.
6. Học sinh phải hòa nhã đối với bạn cùng lớp, cùng trường.
7. Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa, phải làm đầy đủ bài tập mỗi tuần. Khi vắng mặt trên 5 buổi học, dù có lí do chính đáng cũng sẽ không được lên lớp trong khóa tới.
8. Học sinh phải gìn giữ vệ sinh chung của trường và lớp học, tuyệt đối không được di chuyển đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học.
9. Học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên trường các vật dụng như: vật bén nhọn, chất nổ, ma túy, hóa chất cũng như vũ khí.
10. Học sinh phải tham dự các sinh hoạt của Trung Tâm dưới sự hướng dẫn của ban Điều Hành và Thầy Cô giáo.

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose, California, U . S . A.

ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*

Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ:
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ **trông** cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì **rạng**.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đứng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước** **Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

*“ Em Huyền (˘) mang Nặng (•) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào ”.*

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoan, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thổ thần

C- Viết chính tả với chữ i và y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này. Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyên cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi ty nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ y.

Chỉ viết chữ y dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ y) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy y và i đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm y dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm i ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **chả**y (ay)

ngày **nay** (ay)

say **tú**y **lú**y (uy)

cô **Thú**y (uy)

v. v. . .

không thể viết

không thể viết

không thể viết

không thể viết

● Từ có vần:

nước **chả**i (ai)

ngài **nai** (ai)

say **tú**i **lú**i (ui)

cô **Thú**i (ui)

3. Với y dài hay i ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu **Í** (tên nhà văn)

Lý Thường Kiệt (tên một danh tướng)

Mỹ Tho (tên một tỉnh)

Mỹ Quốc (tên một nước)

v. v. . .

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết i ngắn và khi nào viết y dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A	B	C	D	Đ	E	G	H
a	b	c	d	đ	e	g	h
I	K	L	M	N	O	P	Q
i	k	l	m	n	o	p	q
R	S	T	U	V	X	Y	
r	s	t	u	v	x	y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ: ˆ * Dấu á: ˘ * Dấu móc: ˆ

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E
a	á	ớ	bờ	cờ	dờ	đờ	e
Ê	G	H	I	K	L	M	N
ê	gờ	hờ	i	ca	lờ	mờ	nờ
O	Ô	Ơ	P	Q	R	S	T
o	ô	ơ	pờ	quờ	rờ	sờ	tờ
U	Ư	V	X	Y			
u	ư	vờ	xờ	i-cờ-rét			

12 NGUYÊN ÂM ĐƠN

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 PHỤ ÂM GHÉP

CH	GH	GI	KH	
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>	
	NG	NGH		
	<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>		
NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

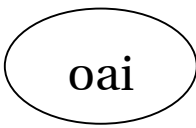
BÀI MỘT

Vần: **oai** **oan**

- Ráp vần và đánh vần: **oai**

Phát âm:

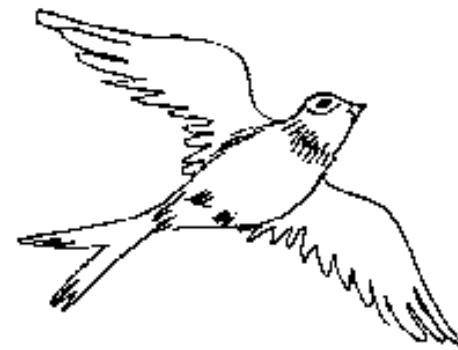

(o-a-i-oai)

	l + oai	loài <small>(lờ-oai-loai-huyền-loài)</small>	loại <small>(lờ-oai-loai-nặng-loại)</small>
x kh th		xoai	trái xoài, xoải cánh
		khoai	khoai lang, khoái chí
		thoai	thoai thoải, thoải mái

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

điện thoại - xoải cánh

	
Chim bay _____ .	Ông ngoại nói _____ .

- Đọc tiếng có vần **oai**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oai**.

Ví dụ:	<i>xoai</i>	<i>trái xoài, xoải cánh</i>	<i>xoài ngọt</i>
---------------	-------------	-----------------------------	------------------

loai loài người, loại bỏ _____

khoai củ khoai, khoái chí _____

thoai thoải lui, thoải mái _____

- **Xoải cánh:** Dạng rộng hai cánh ra. - **Khoái chí:** Thích thú khi ta đạt được như ý muốn. - **Thoai thoải:** Hơi dốc xuống. - **Thoải mái:** Dễ chịu, khoan khoái.

• **Ráp vần và đánh vần: oan**

Phát âm:

(o-a-nờ-oan)

đ + oan		đoán	đoàn
		(đờ-oan-đoan-sắc-đoán)	(đờ-oan-đoan-huyền-đoàn)
h		hoan	<i>hân hoan</i> , hoàn trả
l		loan	bé Loan, <i>loạn lạc</i>
kh		khoan	máy khoan, <i>khoản đãi</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

làm toán - soạn bài

<p>Cô giáo _____ .</p>	<p>Bé Loan _____ .</p>
------------------------	------------------------

- Đọc tiếng có vần **oan**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oan**.

Ví dụ:	đoan	đoàn xe, đoàn kết	đứt đoạn
--------	------	-------------------	----------

hoan hân hoan, hoàn toàn _____

loan loạn lạc, loan báo _____

khoan máy khoan, khoan thai _____

- **Hân hoan:** Vui mừng, sung sướng. - **Loạn lạc:** Tình trạng không yên ổn, rối loạn.

- **Khoản đãi:** Tiếp đãi tử tế.

• Tập đọc 1.

Em Học Việt Ngữ

Hôm nay là ngày đầu khóa học ở trường Việt Ngữ. Em dậy sớm, mặc đồng phục để đi học.

Vừa vào lớp, cô giáo viết tên và số điện thoại của thầy cô lên bảng để chúng em liên lạc khi cần.

Sau đó, cô cho chúng em viết câu ca dao:

"Khôn ngoan đối đáp *người ngoài,*
Gà cùng một mẹ *chớ hoài* đá nhau."

Cô bước đi *khoan thai* và lời giảng rất rõ ràng. Lên cấp sáu, em cảm thấy thoải mái, mau hiểu bài hơn năm ngoái nhiều.

Giải nghĩa:

- *Khôn ngoan*: Hiểu biết nhiều. - *Người ngoài*: Người không cùng gia đình.
- *Chớ hoài*: Không nên. - *Khoan thai*: Có dáng vẻ thong thả.

Đại ý:

Ngày đầu khóa học ở trường Việt Ngữ, em cảm thấy việc học dễ dàng hơn những khóa trước.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oai**, **oan**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

Ví dụ: Điện thoại, khôn ngoan.

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oai, oan	Đặt câu bằng miệng
Ông ngoại đọc báo. Loài chim biết bay. Đoàn kết gây sức mạnh. Cô giáo chăm soạn bài.	điện thoại trái xoài đoàn xe sửa soạn

• **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Ông ngoại gọi điện <i>thoai</i>
Cô giáo <i>xoạn</i> bài.
Bé Loan làm <i>tán</i>
Loài <i>trim</i> biết bay.
Em <i>thít</i> ăn khoai tây.
Đoàn <i>cét</i> thì <i>xống</i>

• **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài " Em Học Việt Ngữ " .

• **Tập đọc 2.**

Ngày Khai Trường

Sáng nay em đến trường,
Gặp bạn từ bốn phương.
Em *hân hoan* chào đón,
Lòng *khoan khoái* lạ thường.
Lớp thơm mùi sơn mới.
Lời cô giáo thân thương:
"Các em ngoan chăm học,
Yêu đồng bào, quê hương."

Giải nghĩa:

- *Khai trường*: Bắt đầu khóa học.
- *Hân hoan*: Vui mừng, sung sướng.
- *Khoan Khoái*: Nhẹ nhàng trong lòng.

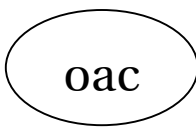
Đại ý:

Ngày khai trường, em sung sướng được gặp lại bạn bè và cô giáo.

BÀI HAI

Vần: oac oat



- Ráp vần và đánh vần: oac
 Phát âm: (o-a-cờ-oac)

	h + oac	hoác	hoạc
		<i>(hờ-oac-hoac-sắc-hoác)</i>	<i>(hờ-oac-hoac-nặng-hoạc)</i>
kh t ng		khoac	nói khoác, khoác áo
		toac	<i>rách toạc</i> , cười toác
		ngoac	<i>ngoạc miệng</i> , <i>ngoạc miệng</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

khoác áo - toạc vai

 <p>Áo anh đã _____ .</p>	 <p>Ba _____ ấm đi làm.</p>
--	---

- Đọc tiếng có vần oac, sau đó viết một từ ghép cũng có vần oac.

hoac	rộng hoác	toàng hoạc
khoac	khoác lác, khoác áo	_____
toac	toác miệng cười	_____
ngoac	ngoạc miệng	_____

- *Rách toạc*: Rách lớn. - *Ngoạc miệng*: Há mồm thật to.
 - *Ngoạc miệng*: Há mồm to để la gào.

• **Ráp vần và đánh vần: oat**

Phát âm:

(o-a-tờ-oat)

l + oat		loát	loạt
		(lờ-oat-loat-sắc-loát)	(lờ-oat-loat-nặng-loạt)
h		hoat	hoạt động, hoạt bát
th		thoat	thoát nạn, thoát tiên
s		soat	kiểm soát, sột soạt

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

hoạt họa - soát lại

Hoàn xem phim _____ .	Loan _____ bài làm.

- Đọc tiếng có vần **oat**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oat**.

loạt	lưu loạt	hàng loạt
hoạt	hoạt họa, hoạt động	_____
thoát	thoát nước, thoát nạn	_____
soát	kiểm soát, suýt soát (xuýt xoát)	_____

- **Hoạt bát:** Nói năng lưu loạt. - **Thoạt tiên:** Ngay lúc đầu. - **Sột soạt:** Tiếng động khi bị cọ sát. - **Suýt soát (xuýt xoát):** Gần bằng, hơn kém không bao nhiêu.

• **Tập đọc.**

Chị Mai Và Em

Chị Mai lớn hơn em hai tuổi. Thế mà em cao suýt soát bằng chị. Mỗi sáng chủ nhật, chúng em cùng nhau đi học tiếng Việt. Chị Mai nói năng hoạt bát và học giỏi. Năm ngoái chị đoạt giải nhất về môn toán. Khi làm việc gì, chị có tính ***dứt khoát***, không do dự. Chị không ***khoác lác*** với ai bao giờ.

Giải nghĩa:

- ***Dứt khoát:*** Làm đâu ra đấy. - ***Khoác lác:*** Khoe khoang, nói quá sự thật.

Đại ý:

Em và chị Mai cùng đi học ở trường Việt Ngữ. Chị là học sinh giỏi và có nhiều tính tốt.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oac, oat**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oac, oat	Đặt câu bằng miệng
Hoàn và Toàn <i>khoác tay</i> nhau ca hát. Không ai ưa kẻ nói khoác. Bà khoác áo choàng đi lễ. Loan soát lại bài làm. Hoàn xem phim hoạt họa. Em thích hoạt động xã hội.	khoác áo nói khoác một loạt kiểm soát hoạt họa hoạt động

- ***Khoác tay:*** Quàng tay vào với nhau.

• Văn phạm.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Loan soát <i>lai</i> bài <i>lam</i>
<i>Khong</i> ai ưa kẻ nói <i>khoac</i>
Em <i>thit</i> hoạt động <i>sã</i> hội.
Em <i>sem</i> phim <i>hoat</i> họa.
Ông <i>khoac</i> áo choàng đi <i>lẻ</i>
Chúng em <i>khoac</i> tay nhau <i>ka</i> hát.

• Chính tả.

Viết chính tả theo bài “Chị Mai Và Em”.

• Học thuộc lòng.

Phải Thật Thà

Người xưa đã dạy chúng ta:
“*Nói khoác* thì *toác mồm* ra,
Sao bằng nói thật ai mà chẳng yêu.”
Vậy nên em phải thật thà,
Có là nói có, không là nói không.
Việc làm, lời nói sáng trong,
Thầy cô, cha mẹ vui lòng, mến yêu.

Giải nghĩa:

- *Nói khoác*: Nói láo, nói quá sự thật. - *Toác mồm*: Há rộng miệng ra.

Đại ý:

Người thật thà thì ai cũng yêu mến.

BÀI BA

Vần: oăn oắt


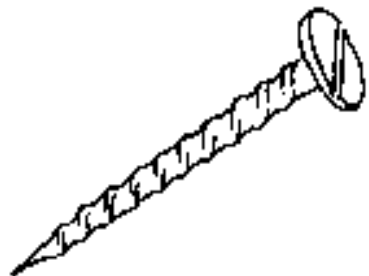
- Ráp vần và đánh vần: oăn
 Phát âm: (o-á-nờ-oăn)

x + oăn	xoăn <small>(xờ-oăn-xoăn)</small>	xoắn <small>(xờ-oăn-xoăn-sắc-xoắn)</small>
h	hoăn	họa hoăn
kh	khoăn	băn khoăn, khỏe khoắn
ng	ngoăn	ngoăn ngoèo, ngoăn ngoeo

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

xoắn ốc - ngoăn ngoèo

	
Đường đi _____ .	Cái đinh _____ .

- Đọc tiếng có vần oăn, sau đó viết một từ ghép cũng có vần oăn.

xoăn	tóc loăn xoăn	_____
hoăn	họa hoăn	_____
khoăn	khỏe khoắn	_____
ngoăn	ngoăn ngoèo	_____

- **Họa hoăn:** Thỉnh thoảng, đôi khi. - **Băn khoăn:** Lo lắng không yên. - **Ngoăn ngoèo, Ngoăn ngoeo:** (quẩn quèo) Vòng qua vòng lại, không thẳng.

• **Ráp vần và đánh vần: oăt**

Phát âm:



(o-á-tờ-oăt)

h + oăt		hoăt	
		<i>(hờ-oăt-hoăt-sắc-hoăt)</i>	
ch	oăt	choăt	loăt choăt
th		thoăt	thoăn thoăt, thắm thoăt
ng		ngoăt	ngoăt đuôi, ngoăt ngoéo

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

nhọn hoăt - loăt choăt

	
Mũi đinh _____ .	Chú hề _____ .

- Đọc tiếng có vần **oăt**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oăt**.

hoăt	kim nhọn hoăt	_____
loăt	bé loăt choăt	_____
thoăt	đi thoăn thoăt	_____
ngoăt	đường ngoăt ngoéo	_____

- **Loăt choăt:** Rất bé nhỏ. - **Thoăn thoăt:** Đi một cách mau lẹ. - **Thắm thoăt, Thắm thoăt:** Qua nhanh (nói về thời gian). - **Ngoăt ngoéo:** Cong queo, quanh co.

• Tập đọc.

Anh Khoát

Anh Khoát là học sinh lớn tuổi nhất trong lớp em. Anh có thân hình loắt choắt nhưng lại thích *hoạt động thể thao*. Bước đi thoăn thoắt của anh đã giúp anh đoạt giải nhất về môn đi bộ đường dài.

Anh Khoát rất vui tính và hay *đùa cợt* với bạn bè. Họạ hoàn lắam anh mới nghỉ học vì bị bệnh (bệnh).

Bạn học cả lớp em đều cảm mến anh.

Giải nghĩa:

- *Hoạt động thể thao*: Chơi các môn vận động. - *Đùa cợt*: Đùa giỡn, bỡn cợt.

Đại ý:

Anh Khoát giỏi thể thao và vui tính nên được bạn học mến yêu.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oăn, oắt**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oăn, oắt	Đặt câu bằng miệng
Đàn cháu xoắn xít quanh bà. Chị Loan bán khoản nhớ nhà. Ở đây họạ hoàn lắam mới có mưa. Mũi đình nhọn hoắt. Thời gian trôi qua thoăn thoắt. Con chó ngoắt đuôi mừng rỡ.	xoắn xít bán khoản họạ hoàn nhọn hoắt thoăn thoắt ngoắt đuôi

• **Việt sử.**

Sự Tích Nỏ Thần

Vào năm 255 trước *Dương Lịch*, An Dương Vương xây Loa Thành ở làng Cổ Loa (nay là tỉnh Phúc Yên), Việt Nam.

Theo sách sử, thoát tiên An Dương Vương xây thành có nhiều yêu quái *quấy phá*, phải *lập đàn cầu khẩn*. Thần Kim Quy hiện lên bày phép cho vua trừ được yêu quái, bấy giờ mới xây được thành một cách hoàn toàn.

Ngoài ra, Thần Kim Quy còn cho vua một cái móng chân để làm cái *lấy nỏ*. Lúc nào có giặc thì đem cái nỏ ấy ra bắn một phát, giặc chết hàng loạt.

Ngày nay, người ta còn đào thấy nhiều tên đồng ở Cổ Loa.

Giải nghĩa:

- *Dương Lịch*: *Lịch đang dùng hiện nay tính theo sự chuyển động của trái đất với mặt trời.* - *Quấy phá*: *Gây rối loạn, không để cho yên.* - *Lập đàn cầu khẩn*: *Xây nền hay đài cao để cầu trời xin việc gì một cách tha thiết, gất gao.* - *Lấy nỏ*: *Bộ phận bật dây của nỏ.*

Câu hỏi:

1- Tại sao An Dương Vương xây thành không được ?

.....

2- Thần Kim Quy đã giúp An Dương Vương như thế nào?

.....

• **Bài hát:**

Em Bé Quê

Em mới lên năm, lên mười, nhưng em không yếu đuối.
Thầy mẹ yêu - cũng vì trẻ thơ - làm việc rất say sưa.
Em biết yêu thương đời trai - đời hùng anh chiến sĩ.
Ước mong sao - em lớn lên mau - vươn sức mạnh cần lao.....

Phạm Duy

BÀI BỐN

Ôn vần:	oai	oan
	oac	oat
	oăn	oăt

• Tập đọc.

Ngày Tựu Trường

Hôm nay là ngày *tựu trường*,
 Học sinh *tấp nập* bốn phương tìm về.
 Sân trường Việt Ngữ vui ghê,
 Chúng em *tíu tíu* mãi mê chuyện trò.
 Kìa! Hoàn, Thoại, Khoát nhỏ to.
 Bé Loan nịu mẹ, *thập thò* bên chân.
 Thầy, cô thoăn thoắt ra sân,
 Chúng em vội vã theo chân sắp hàng.

Giải nghĩa:

- *Tựu trường*: (Khai trường) Ngày đầu tiên của khóa học. - *Tấp nập*: Nhiều người qua lại. - *Tíu tíu*: Cười nói, hỏi han liên tiếp. - *Thập thò*: Rụt rè, e lệ.

Đại ý:

Ngày tựu trường, các em vui vẻ gặp lại nhau rồi sắp hàng vào lớp.

Câu hỏi:

1- Ngày tựu trường còn gọi là ngày gì ?

.....

2- Kể tên ba học sinh nói chuyện nhỏ to ?

.....

3- Ai nịu áo mẹ ?

.....

4- Thầy cô đi như thế nào ?

.....

• **Từ ngữ - Đặt Câu - Tục Ngữ.**

Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
l, x	oai			
ng, kh	oai			
đ, t	oan			
h, ng	oan			
h, t	oac			
l, s	oat			
x, kh	oăn			
l, th	oăt			

Đặt câu:

Chọn năm (5) từ ghép ở trên và đặt thành năm (5) câu.

.....

.....

.....

.....

.....

• **Học ôn tục ngữ.**

“ Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời. ”

Giải nghĩa: Lúc còn nhỏ tuổi, các em phải chăm chỉ học hành, trau dồi tài đức để mai sau lớn lên giúp mình và gia đình, có ích cho xã hội.

• Tìm từ - Đặt câu - Câu đố.

Tìm từ phản nghĩa.

ngày ≠

ra ≠

vui ≠

dễ ≠

Đặt câu.

- Ngày:

- Vui:

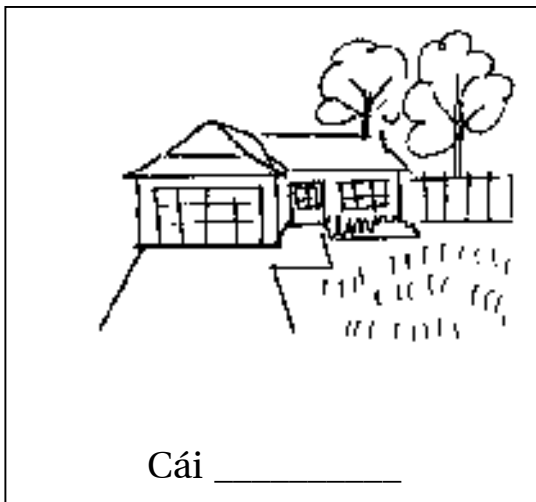
- Ra:

- Dễ:

Câu đố.

Cái gì che nắng che mưa,
Để ta nướng nấu sớm trưa yên lành.
Đó là cái gì?

Năm ông cùng ở một nhà,
Tình huynh nghĩa đệ vào ra thuận hòa.
Bốn ông tuổi đã lên ba,
Một ông đã già lại mới lên hai.
Đó là cái gì?



• **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “ Ngày Tụ Trường ”.

• **Địa lí.**

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng ***nhiệt đới*** lại sát biển nên khí hậu nóng và ẩm ướt.

Miền Nam có khí hậu ấm áp hơn miền Bắc vì gần ***đường Xích Đạo*** .
Thời tiết trên ***cao nguyên*** thường dịu mát hơn ***đồng bằng*** .

Đặc tính của khí hậu Việt Nam là gió mùa. Gió Đông Bắc thổi về từ tháng 10 đến tháng 3. Gió Nồm Đông Nam kể từ tháng 5 đến tháng 9. Ngoài ra, Việt Nam thường có mưa bão vào mùa hè từ tháng 7 đến tháng 9.

Giải nghĩa:

- ***Nhiệt đới:*** Vùng có khí hậu nóng. - ***Đường Xích Đạo:*** Đường phỏng định vòng quanh trái đất, chia trái đất thành hai phần: Nam và Bắc. - ***Thời tiết:*** Sự thay đổi nhiệt độ từng vùng. - ***Cao nguyên:*** Vùng đất cao, bằng, rộng lớn ở miền núi. - ***Gió nồm:*** Gió mát và ẩm ướt thổi đến Việt Nam từ hướng Đông Nam.

Câu hỏi:

1- Tại sao khí hậu Việt Nam nóng và ẩm ?

.....

2- Thời tiết ở đâu thường dịu mát ? Tại sao ?

.....

3- Mùa nào trong năm thì gió Đông Bắc thổi vào ?

.....

4- Mùa nào trong năm thì gió Đông Nam thổi vào ?

.....

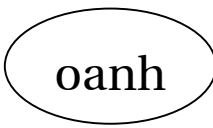
BÀI NĂM

Vần: oanh oach

• Ráp vần và đánh vần: oanh

Phát âm:



(o-a-nhờ-oanh)

ng + oanh		ngoảnh	
		<i>(ngờ-oanh-ngoảnh-hỏi-ngoảnh)</i>	
d		doanh	kinh doanh, doanh nghiệp
h		hoanh	hoạnh tài, hoành phi
kh		khoanh	khoanh tay, khoảnh khắc

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Chim oanh - khoanh tay

	
Bé _____ dạ bà.	_____ hót líu lo.

- Đọc tiếng có vần **oanh**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oanh**.

- | | | |
|--------|--------------------------|-------|
| doanh | doanh trại, doanh nghiệp | _____ |
| khoanh | khoảnh khắc, khoanh tròn | _____ |
| hoanh | hoành phi, hoành độ | _____ |

- **Doanh nghiệp:** Làm các việc kinh doanh, sản xuất hay mua bán. - **Hoạnh tài:** Tiền bạc được một cách không chính đáng. - **Hoành phi:** Bức gỗ có khắc chữ Hán thường treo ngang ở giữa nhà. - **Khoảnh khắc:** Trong chốc lát.

• **Ráp vần và đánh vần: oach**

Phát âm:

(o-a-chờ-oach)

h + oach		hoạch	
		<i>(hờ-oach-hoach-nặng-hoạch)</i>	
x h		oach	<i>oách, oành oạch</i>
		xoach	<i>xoành xoạch</i>
		hoach	<i>kế hoạch, hoạch định</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

ngã đánh oạch - xoành xoạch

Oanh đi phố _____.	Bé Loan _____.

- Đọc tiếng có vần **oach**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oach**.

oach	oách, ngã đánh oạch	_____
xoach	xoành xoạch	_____
hoach	hoạch định, thu hoạch	_____

- **Oách:** Trông oai vệ và sang trọng. - **Oành oạch:** Tiếng người ngã mạnh liên tiếp.
 - **Xoành xoạch:** Liền liền, luôn luôn. - **Ngã đánh oạch:** Ngã mạnh gây tiếng kêu.

• Tập đọc.

Căn Nhà Mới

Nhà em ở sát chân đồi. Từ xa lộ 101 rẽ vào con đường nhỏ, ba lái xe chạy *loanh quanh* độ năm phút thì đến nơi.

Đây là căn nhà *mới toanh*, trông xinh xinh. Trong nhà rộng rãi và có *ngăn nắp*. Trước kia, gia đình em phải thay đổi chỗ ở xoành xoạch. Nay cha mẹ em vui mừng làm chủ được một căn nhà. Gần trường, em sung sướng có thêm thời giờ để chăm lo học bài.

Giải nghĩa:

- *Loanh quanh*: Chạy vòng vòng, chạy quanh quẩn.
- *Mới toanh*: Rất mới.
- *Ngăn nắp*: Có gọn gàng, thứ tự.

Đại ý:

Gia đình em vui sướng vì mua được căn nhà mới.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oanh, oach**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oanh, oach	Đặt câu bằng miệng
Căn nhà này mới toanh. Bà đi loanh quanh trong nhà. Súng nổ đoành đoành. Bé Hoàng ngã hoạch. Trí đi chơi xoành xoạch. Làm việc phải có kế hoạch.	mới toanh loanh quanh đoành đoành ngã hoạch xoành xoạch kế hoạch

- **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Bé Loan ngã <i>hạch</i>
Căn nhà mới <i>tanh</i>
Hoành đi phố <i>xoanh xạch</i>
<i>Chiêm</i> oanh học <i>noi</i>
Học tập phải có kế <i>hạch</i>
Súng nổ <i>đanh đanh</i>

- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “ Căn Nhà Mới ”.

- **Học thuộc lòng.**

Bé Oanh

Bé Oanh mới lên ba,
Được ngoại *cưng* nhất nhà.
Mỗi lần sắp đi xa,
Bé khoanh tay ạ bà.
Bé đi không vội vã.
Sợ ngã hoạch mà đau.

Giải nghĩa:

- *Cưng*: Nuông chiều.

Đại ý:

Bé Oanh có lễ phép và đi cẩn thận được bà ngoại cưng.

BÀI SÁU

Vần: oang oăng



- Ráp vần và đánh vần: oang
 Phát âm: (o-a-ngờ-oang)

l + oang	loang <small>(lờ-oang-loang)</small>	loăng <small>(lờ-oang-loang-ngã-loăng)</small>
h	hoang	hoang phí, hoàng oanh
th	thoang	thoang thoảng, thỉnh thoảng
nh	nhoang	chớp nhoảng, <i>hào nhoảng</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

hoàng oanh - oang oang

	
Chó sủa _____ .	Chim _____ hát.

- Đọc tiếng có vần **oang**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oang**.

loang	<i>loang loảng, loảng xoảng</i>	loang lổ
hoang	hoàng hôn, hoang đảo	_____
thoang	thoang thoảng, loảng thoảng	_____
nhoang	chớp nhoảng	_____

- *Hào nhoảng*: Rực rỡ bóng nhoảng. - *Loang loảng*: Lóng lánh.
- *Loảng xoảng*: Tầm thường, không có gì đáng kể.

• **Ráp vần và đánh vần: oăng**

Phát âm:



(o-á-ngờ-oăng)

h + oăng		hoăng	hoăng
		(hờ-oăng-hoăng)	(hờ-oăng-hoăng-ngã-hoăng)
l	oăng	loăng	<i>loăng quăng, loăng ngoăng</i>
th		thoăng	<i>liến thoắng</i>
ng		ngoăng	<i>ngoăng dây</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Con hoăng - loăng ngoăng

	
Đường đi _____ .	_____ chạy nhanh.

- Đọc tiếng có vần **oăng**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oăng**.

hoăng	hoăng hoắc	_____
loăng	loăng ngoăng	_____
thoăng	viết thoắng	_____
ngoăng	ngoăng vào	_____

- **Hoăng:** Loại thú rừng giống như nai và hươu nhỏ. - **Loăng quăng:** Chạy chỗ này chỗ kia làm bộ bận rộn. - **Loăng ngoăng:** Cong queo. - **Liến thoắng:** (Nói) Nhiều và nhanh. - **Ngoăng dây:** Tròng (quàng) dây.

• Tập đọc.

Bé Hoàng

Ngày ngày ba em đi làm. Em và chị Loan đi học trường gần nhà. Bé Hoàng ở nhà với ông bà ngoại.

Năm nay Hoàng mới lên hai và nói *liến thoắng* cả ngày. Mỗi lần ngoại đi ra vườn sau, bé *quấn quýt* quanh bà. *Thỉnh thoảng*, Hoàng chơi với con chó Nhật lông xù. Có khi, bé nắm đuôi khiến chó kêu oăng oăng. Bà ngoại vội gỡ tay cháu ra và âu yếm bồng cháu lên.

Giải nghĩa:

- *Liến thoắng*: Nói liền liền. - *Quấn quýt*: Đeo sát một bên.
- *Thỉnh thoảng*: Một đôi khi.

Đại ý:

Bé Hoàng được ông bà ngoại thương yêu, chăm sóc.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oang, oăng**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oang, oăng	Đặt câu bằng miệng
Vách tường bị loang lổ. Cảnh mặt trời lên thật huy hoàng. Thỉnh thoảng ba em đi câu cá. Chó con kêu oăng oăng. Con kéc nói liến thoắng. Sợi dây câu loằng ngoằng.	loang lổ huy hoàng thỉnh thoảng oăng oăng liến thoắng loằng ngoằng

• Văn phạm.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Chim hoàng <i>oang</i> hót hay.
Hoàng nói liến <i>thắng</i>
Đường đi <i>ngoằng ngèo</i>
Thỉnh <i>thắng</i> ba đi câu <i>ca</i>
Tờ <i>dấy</i> bị loang <i>lổ</i> vết mực.
Chó con <i>kiêu</i> oăng <i>oăng</i>

Chính tả:

Viết chính tả theo bài “ Bé Hoàng ”.

Học thuộc lòng:

Chó, Gà và Chim Kéc

Ba em nuôi con kéc,
Nói liến thoắng cả ngày.
Vỗ cánh trông thật *oai* ,
Là con gà cồ đá.
Gâu gâu , con *chó vá* .
Thấy lạ sủa oang oang.

Giải nghĩa:

- *Oai*: Có vẻ nghiêm trang. - *Gâu gâu*: Tiếng chó sủa. - *Chó vá*: Con chó có vài mảng lông khác màu, có khoang, có đốm.

Đại ý:

Loài vật ba em nuôi là chim kéc, gà và chó.

BÀI BẢY

Vần: **uân** **uât**

• **Ráp vần và đánh vần: **uân****

Phát âm:

(u-ớ-nờ-uân)

x + uân		xuân <small>(xờ-uân-xuân)</small>	xuẩn <small>(xờ-uân-xuân-hỏi-xuẩn)</small>
h		huân	huân chương , huấn luyện
t		tuân	tuân lệnh, tuân lễ
th		thuân	thuần thực , thuận hòa

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Mùa xuân - Ba khuôn

_____ tảng đá.	_____ hoa nở.

- Đọc tiếng có vần **uân**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uân**.

xuân	ngày xuân, hoa xuân	_____
huân	huân chương, huấn thị	_____
tuân	tuân lời, tuấn tú	_____
thuân	thuần thực, thuận tiện	_____

- **Huân chương:** Huy chương ban cho người có công với tổ quốc. - **Thuần thực:** Rành rẽ, thành thạo. - **Tuấn tú:** Có dáng vẻ đẹp đẽ hơn người.

• **Ráp vần và đánh vần: uât**

Phát âm:

(u-ớ-tờ-uât)

l + uât		luật	
		<i>(lờ-uât-luật-nặng-luật)</i>	
x		xuât	xuất sắc, <i>xuất xứ</i>
kh		khuât	che khuất, khuất bóng
th		thuât	<i>kĩ thuật</i> , ảo thuật

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

luật sư - ảo thuật

Tuấn làm trò _____.	Chú Tuất là _____.

- Đọc tiếng có vần **uât**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uât**.

luât	kỉ luật, luật lệ	_____
xuât	xuất xứ, xuất cảng	_____
khuât	bất khuất, khuất bóng	_____
thuât	ảo thuật, kĩ thuật	_____

- **Xuất xứ:** Từ chỗ nào mà có, nguồn gốc từ đâu mà ra. - **Kĩ thuật:** Tài năng chuyên môn. - **Kỉ luật:** Quy luật, phép tắc. - **Mĩ thuật:** Nghệ thuật phát biểu cái đẹp.

• Tập đọc.

Buổi Tối Trong Gia Đình

Gia đình em dùng bữa cơm tối xong thì mặt trời vừa khuất sau **đồi**. Cả nhà **quây quần** nơi phòng khách. Ông ngoại và ba chăm chú đọc báo. Má giúp em làm toán và luận văn. Má luôn dặn em giữ gìn kỉ luật nhà trường và là một học sinh tốt. Bé Tuấn thì **quấn quýt** bên bà ngoại để nghe bà kể chuyện cổ tích.

Giải nghĩa:

- **Đồi:** Gò đất lớn và cao.
- **Quây quần:** Tụ họp lại với nhau.
- **Quấn quýt:** Deo sát một bên.

Đại ý:

Cảnh gia đình sinh hoạt sau bữa cơm tối.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uân, uât**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần uân, uât	Đặt câu bằng miệng
Một tuần lễ có bảy ngày. Mùa xuân hoa nở đẹp. Hợp quần gây sức mạnh. Phải giữ gìn kỉ luật. Mặt trời đã khuất sau núi. Khoa học kĩ thuật tiến bộ nhanh	tuần lễ mùa xuân quay quần kỉ luật khuất kĩ thuật

- **Việt sử.**

My Châu Và Trọng Thủy

Vì chiếc nỏ thần quá lợi hại nên Triệu Đà sang đánh *nước Âu Lạc* mấy lần đều bị thua.

Sau đó Triệu Đà liền lập mưu cho con trai là Trọng Thủy sang xin cưới My Châu là con gái An Dương Vương. Vì tin chồng, My Châu đem nỏ thần cho Trọng Thủy xem. Trọng Thủy liền đánh tráo lấy nỏ giả rồi trốn về nước.

Lần này, Triệu Đà đem quân sang đánh, An Dương Vương mang nỏ ra cự địch. Nhưng tiếc thay, nỏ không còn *hiệu nghiệm* nữa, nên nhà vua thua trận và đem My Châu chạy trốn...

Giải nghĩa:

- *Nước Âu Lạc*: Tên nước Việt Nam ngày xưa. - *Hiệu nghiệm*: Công hiệu, hiệu lực thấy rõ, kết quả nghiệm thấy.

Câu hỏi:

1- Tại sao Triệu Đà muốn Trọng Thủy cưới My Châu ?

.....

2- Tại sao An Dương Vương thua trận ?

.....

- **Bài hát.**

Reo Vang Bình Minh

Reo vang reo, ca vang ca, cất tiếng hát vang đồng xanh vang lừng,
La bao la, tươi xinh tươi, ánh sáng từng bừng hoa lá.
Cây rung cây, hoa đưa hoa,
Khắp nơi bình minh giáng reo hương nồng,
Gió đón gió, sáng chiếu sáng, bình minh sáng ngập hồn ta.....

Hùng Lĩnh

BÀI TÁM

Ôn vần: oanh oach
oang oăng
uân uât

• Tập đọc.

Sửa soạn Đi Xa

Thình thoảng ba em đưa gia đình đi chơi xa. Cả nhà bận rộn làm theo *kế hoạch*.

Ông bà ngoại trông coi bé Hoàng để bé không té ngã *xoành xoạch*. Em giữ con chó nhỏ hay kêu oăng oăng. Má sắp đồ ăn và xếp áo quần.

Còn ba *khuân vác* lều vải lên xe.

Ai nấy vui vẻ vào chỗ ngồi. Ba cho xe lăn bánh. Em ngoảnh đầu nhìn lại, ngôi nhà vừa *khuất* sau hàng cây.

Giải nghĩa:

- *Kế hoạch*: Điều dự định làm có thứ tự. - *Xoành xoạch*: Xảy ra nhiều lần.

- *Khuân vác*: Mang vật nặng bằng hai tay, lưng hay vai. - *Khuất*: Bị che, ẩn sau vật gì.

Đại ý:

Mỗi người trong gia đình lo làm tròn phận sự trước khi đi chơi xa.

Câu hỏi:

1- Gia đình em có đi chơi xa luôn luôn không ?

.....

2- Ông bà ngoại trông nom ai ?

.....

3- Tiếng con chó nhỏ kêu như thế nào ?

.....

4- Kể những việc ba em làm ?

.....

• **Từ ngữ - Đặt câu - Tục ngữ.**

Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
kh, t	oanh			
h, x	oach			
h, th	oang			
h, l	oăng			
t, kh	uân			
l, th	uât			

Đặt câu:

Chọn năm (5) từ ghép ở trên và đặt thành năm (5) câu.

.....

.....

.....

.....

.....

• **Học ôn tục ngữ.**

“ Anh em như thể tay chân. ”

Giải nghĩa: Tay chân bị đau thì cả thân thể cũng đau nhức theo. Vậy anh em một nhà ví như tay chân phải thuận hòa, giúp đỡ, thương yêu nhau thì cả gia đình mới yên vui, hạnh phúc.

• Tìm từ - Đặt câu - Câu đố.

Tìm từ phản nghĩa.

mới ≠

tốt ≠

nhỏ ≠

rộng ≠

Đặt câu.

- Mới:

- Tốt:

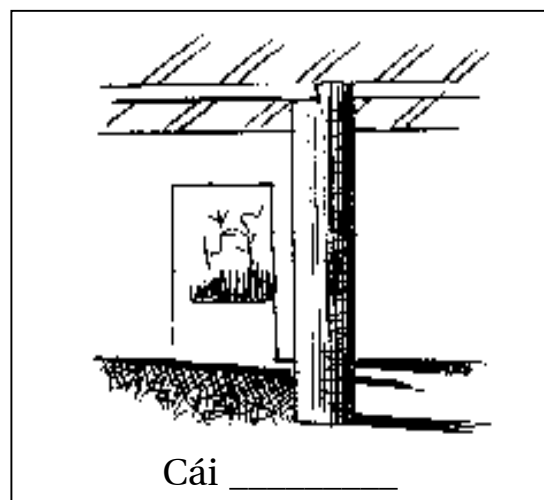
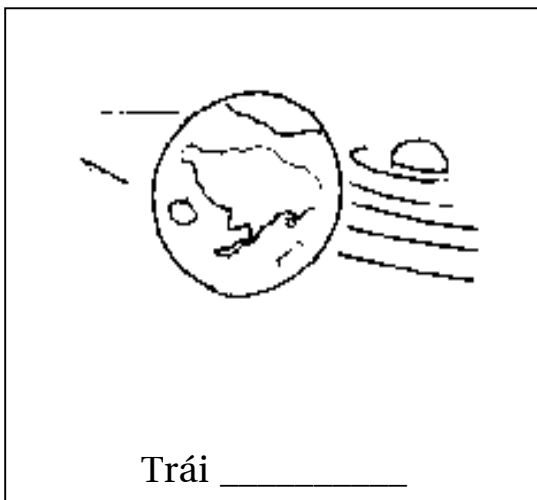
- Nhỏ:

- Rộng:

Câu đố.

Trái gì lơ lửng trên không,
Nuôi cây xanh tốt, nuôi người ấm no.
Đố là trái gì?

Sừng sững mà đứng giữa nhà,
Ai vào không hỏi, ai ra không chào.
Đố là cái gì?



- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “ Sửa Soạn Đi Xa ”.

- **Địa lí.**

Dân Cư Việt Nam

Theo **thống kê** năm 1998, dân số Việt Nam khoảng chừng 77 triệu. Họ sống **chen chúc** ở miền đồng bằng, **đô thị**, và trung tâm kĩ nghệ. Dân chúng miền đồi núi thì **thưa thớt**.

Người Việt thông minh và chịu khó. Đa số theo đạo thờ cúng ông bà và đạo Phật. Số còn lại theo đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo . . .

Dân tộc **thiểu số** có chừng 3 triệu và sinh sống ở miền rừng núi. Đó là các sắc tộc: Mường, Mán, Mèo, Thượng . . .

(xem bản đồ trang 63)

Giải nghĩa:

- **Thống kê:** Kê khai tổng quát bằng những con số rõ ràng. - **Chen chúc:** Dân cư đông đúc sinh sống trên một vùng đất chật hẹp. - **Đô thị:** Thành phố hay thị trấn có dân cư đông đúc. - **Thưa thớt:** Ít, rời rạc, phân bố không đều. - **Thiểu số:** Số ít, phần nhỏ.

Câu hỏi:

1- Em cho biết dân số Việt Nam vào năm 1998 là khoảng bao nhiêu ?

.....

2- Người dân Việt Nam sống chen chúc ở đâu ?

.....

3- Kể các đạo hiện có ở Việt Nam mà em biết ?

.....

4- Ở Việt Nam có các dân tộc thiểu số nào ?

.....

BÀI THI MẪU GIỮA KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: oai, oăt, uân, uất . . .)

- Chép lại cả câu có những từ vừa tìm đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (12 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 12 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Cô giáo đang **xoạn** bài trong lớp.

1. Cô giáo đang soạn bài trong lớp.

2.

3.

4.

.....

13.

III- Tìm từ - Đặt câu (10 điểm).

Cho 4 từ để các em tìm từ phản nghĩa và đặt câu với những từ ấy.

Thí dụ:

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

mới	≠	cũ	≠
.....	≠	≠

- Đặt câu:

1. cũ: Em có một chiếc xe đạp *cũ*.
2.:
-:
5.:

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Tìm từ ghép và đặt câu (20 điểm).

- Ráp phụ âm với vần thành từ đơn, rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Thí dụ:

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Tìm hai từ ghép
x, th	oai	xoài, thoại	trái xoài, điện thoại
1., ,
2., ,
3., ,
4., ,

- Hãy đặt 4 câu với 4 từ ghép vừa tìm ở trên.

Thí dụ:

1. điện thoại.

Ông ngoại đang nói *điện thoại*.

2.

.....

3.

.....

4.

.....

5.

.....

VI- Địa lí (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới
..... và thường có mưa bão vào
mùa hè từ Tháng Tư đến Tháng Chín.

- Câu hỏi:

1. Nước Việt Nam ở vào vùng khí hậu nào ?

2. ?

3. ?

VII- Việt sử (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Mỵ Châu và Trọng Thủy

Vì chiếc nỏ thần quá lợi hại

.....
..... nhà vua thua trận và
đem Mỵ Châu chạy trốn.

- Câu hỏi:

1. Vua An Dương Vương có vũ khí gì rất lợi hại ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI GIỮA KHÓA _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử : _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Ý kiến phụ huynh :

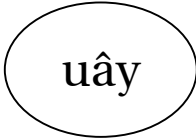
.....
.....
.....
.....

Phụ huynh ký tên : _____

BÀI CHÍN

Vần: **uây** **uâng**



- Ráp vần và đánh vần: **uây**
Phát âm: (u-ớ-i-cờ-rét-uây)

	kh + uây	khuây <i>(khờ-uây-khuây)</i>	khuấy <i>(khờ-uây-khuây-sắc-khuấy)</i>
kh q		khuây	<i>khuây khỏa</i> , khuấy động
		quây	<i>quây quần</i> , quấy phá

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

khuấy bột - quây quần

	
Cháu _____ bên bà.	Mẹ _____ làm bánh.

- Đọc tiếng có vần **uây**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uây**.

khuây khuấy khỏa, giải khuây _____
 quây quây hàng, quấy phá _____

- **Khuây khỏa:** Giải sầu, người nổi buồn. - **Quây quần:** Tụ họp, vây bọc.



- **Ráp vần và đánh vần: uâng**
Phát âm: (u-ớ-ngờ-uâng)

kh + uâng		khuâng <i>(khờ-uâng-khuâng)</i>	
kh	uâng	khuâng	<i>bâng khuâng</i>
q		quâng	<i>quàng</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

bâng khuâng - có quàng

 <p>Bà _____ nhớ quê.</p>	 <p>Trăng _____ .</p>
---	--

- Đọc tiếng có vần **uâng**.

khuâng
quâng

bâng khuâng
trăng có quàng

- **Bâng khuâng:** Buồn không hiểu vì đâu. - **Quàng trăng:** Vành hiện quanh mặt trăng. - **Chạy quàng:** Thú vật chạy nhảy tung chân lên cao.

• Tập đọc 1.

Ba Ngày Tết

Sáng mùng một Tết, cả gia đình em quây quần bên bàn thờ làm lễ tổ tiên.

Các con, các cháu lần lượt **chúc thọ** ông bà, cha mẹ. Rồi ông bà mừng tuổi các cháu. Để chúng em vui xuân, ông bà lì xì bao tiền màu đỏ.

Đại gia đình sum họp trong ba ngày đầu năm thật vui vẻ. Ông bà cũng khuây khỏa **nỗi buồn xa xứ**. Vậy mà ông bà không khỏi băng khuâng nhớ đến những người thân ở lại quê nhà.

Giải nghĩa:

- **Chúc thọ:** Cầu mong sống lâu. - **Nỗi buồn xa xứ:** Buồn vì xa quê hương.

Đại ý:

Ngày Tết, đại gia đình sum họp để làm lễ tổ tiên, chúc thọ ông bà và vui xuân.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uây, uâng**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần uây, uâng.	Đặt câu bằng miệng.
Các cháu quây quần quanh ông bà. Em bé ít quấy rầy mẹ cha. Ba em đưa bà đi chơi giải khuây. Mái chèo khuấy động mặt nước. Trăng có quầng không sáng lắm. Bà băng khuâng nhìn về ngôi nhà cũ.	quây quần cựa quậy giải khuây khuấy động quầng trăng băng khuâng

• Văn phạm.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Cả <i>nha</i> em quây <i>quàng</i>
Mẹ khuấy <i>bột</i> làm <i>bánh</i>
Bé ít quấy <i>rây</i> mẹ cha.
Bà đi <i>trơi</i> giải <i>khuay</i>
Ba bâng <i>khuang</i> nhớ nhà.
Trăng mờ có <i>quâng</i>

• Chính tả.

Viết chính tả theo bài “ Ba Ngày Tết ”.

• Tập đọc 2.

Ngày Giỗ

Hôm qua *ngày giỗ* ông em,
Bà con nội, ngoại đôi bên quây quần.
Bàn thờ đèn nến sáng trưng,
Khói hương *nghi ngút* thơm lừng bay cao.
Bâng khuâng em nhớ năm nào,
Lời ông dạy bảo biết bao ân cần.
Mà nay ông đã *lià trần* ,
Nỗi buồn mất mát trong lòng *khôn khuây* .

Giải nghĩa:

- *Ngày giỗ*: Ngày tưởng nhớ người thân đã mất. - *Nghi ngút*: Cuồn cuộn bốc lên. -
Lià trần: Chết đi. - *Khôn khuây*: Khó mà quên được.

Đại ý:

Mọi người tưởng nhớ đến ông em trong ngày giỗ.

BÀI MƯỜI

Vần: **uôi** **uôm**



- Ráp vần và đánh vần: **uôi**
Phát âm: (u-ô-i-uôi)

n + uôi		nuôi <i>(nờ-uôi-nuôi)</i>	nuối <i>(nờ-uôi-nuôi-sắc-nuối)</i>
s t ch		suôi	dòng suối, nước suối
		tuôi	<i>tuổi thơ</i> , mấy tuổi
		chuôi	<i>chuôi dao</i> , chuôi hột

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

chuôi hột - Dòng suối

 <p>_____ chảy róc rách.</p>	 <p>Bà đeo _____ bồ đề.</p>
---	---

- Đọc tiếng có vần **uôi**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uôi**.

suôi	suối nguồn, dòng suối	_____
tuôi	tuổi trẻ, tuổi già	_____
chuôi	chuôi dao, cây chuối	_____

- **Nuối:** Gắng gượng, ráng sức. - **Tuổi thơ:** Tuổi nhỏ. - **Chuôi dao:** Phần nhọn để tra cán vào. - **Chuôi hột bồ đề:** Sợi dây xỏ qua những hạt bồ đề khô thành vòng.

• **Ráp vần và đánh vần: uôm**

Phát âm:

(u-ô-mờ-uôm)

b + uôm		buôm <i>(bờ-uôm-buôm-huyền-buôm)</i>	
l		luôm	<i>luôm nhuôm, luộm thuộm</i>
nh		nhuôm	<i>nhuộm màu, nhuộm bệnh</i>
ch		chuôm	<i>chuôm, thả chuôm</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

nhuộm tóc - Ghe buôm

_____ đánh cá.	Má _____ màu đen.

- Đọc tiếng có vần **uôm**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uôm**.

luôm	luộm thuộm	_____
nhuôm	nhuộm đen, nhuộm đỏ	_____
chuôm	ao chuôm	_____

- **Luôm nhuôm:** Lộn xộn, không cùng loại. - **Luộm thuộm:** Lôi thôi, không gọn gàng. - **Nhuộm bệnh:** Mới bắt đầu bệnh. - **Chuôm:** Ao, khoảnh đất sâu ở giữa đồng có nước. - **Thả chuôm:** Cành cây thả dưới nước cho cá, tôm vào núp.

• **Tập đọc.**

Đi Câu

Cha em thường đưa em đi câu cá vào buổi sáng thứ bảy.

Vừa đến hồ, em đã thấy ánh mặt trời nhuộm hồng những vầng mây bạc đang *lơ lửng* xuôi về phương nam. Xa xa, vài cánh buồm trắng nổi bật trên mặt hồ *xanh lam*. Hai cha con yên lặng thả câu. Đâu đây có tiếng suối chảy róc rách.

Cảnh vật thật êm đềm. Không khí trong lành. Cha em thường chọn nơi này để câu cá.

Giải nghĩa:

- *Lơ lửng*: Ở lưng chừng. - *Xanh lam*: Màu xanh đậm hơn màu xanh da trời.

Đại ý:

Hai cha con đi câu cá ở hồ có cảnh đẹp và không khí trong lành.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uôi, uôm**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu.

Đọc câu có vần uôi, uôm	Đặt câu bằng miệng
Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể. Trước nhà em có con suối nhỏ. Năm nay chị Mai lên 10 tuổi. Em thích ăn chuối. Ba em đi ghe buồm. Má em nhuộm tóc đen.	nuôi dưỡng con suối mấy tuổi cây chuối tàu buồm nhuộm màu

• Văn phạm.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Dòng <i>xuối</i> chảy róc <i>rach</i>
Ba em đi ghe <i>buồng</i>
Má em <i>nhộm</i> tóc đen.
Nhà ở chỗ <i>để</i> luộm <i>thuôm</i>
Cha mẹ <i>nui</i> con khó nhọc.
Chị Mai hơn em hai <i>tủi</i>

• Chính tả.

Viết chính tả theo bài “Đi Câu”.

• Học thuộc lòng.

Bổn Phận Làm Con

Làm con phải *hiếu* ai ơi,
Công ơn cha mẹ biển trời bao la!
Một mai sức yếu, tuổi già,
Da nhăn, tóc sẽ *nhuộm màu muối tiêu*.
Thăm nom, chăm sóc sớm chiều,
Vui lòng cha mẹ, kính yêu trọn đời.

Giải nghĩa:

- *Bổn phận*: Những việc phải làm. - *Hiếu*: Lòng ân cần đối với cha mẹ.

- *Nhuộm màu muối tiêu*: Tóc đen lẫn trắng giống như màu muối và tiêu (hạt) trộn lẫn nhau.

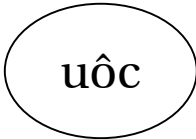
Đại ý:

Làm con phải biết kính yêu và chăm sóc cha mẹ khi già yếu.

BÀI MƯỜI MỘT

Vần: uôc uôt



- Ráp vần và đánh vần: uôc
 Phát âm: (u-ô-cờ-uôc)

đ + uôc		đuốc	
		<i>(đờ-uôc-đuôc-sắc-đuốc)</i>	
c		cuôc	cái cuốc, cuộc đời
ch		chuôc	chuốc bệnh, chuộc tội
th		thuôc	thuốc ho, thuộc bài

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

hút thuốc - cuốc đất

	
Ba _____ trồng cây.	Bảng cấm _____.

- Đọc tiếng có vần **uôc**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uôc**.

- | | | |
|-------|-----------------------------|-------|
| cuôc | bỏ cuộc, cái cuốc | _____ |
| chuôc | chuốc bệnh, chuộc đồ | _____ |
| thuôc | thuộc bài, uống thuốc | _____ |

- **Chuốc bệnh:** Rước lấy bệnh vào người. - **Chuộc tội:** Lấy công hay của cải để thế vào chỗ mình gây nên tội lỗi. - **Chuộc đồ:** Trả tiền để lấy lại vật gì đã cầm thế từ người khác.

• **Ráp vần và đánh vần: uôt**
 Phát âm: (u-ô-tờ-uôt)

b + uôt		buốt	buột
		(bờ-uôt-buốt-sắc-buốt)	(bờ-uôt-buột-nặng-buột)
s		suôt	suốt ngày, sáng suốt
n		nuôt	nuốt cơm, trắng nuột
ch		chuôt	con chuột, chải chuốt

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

rình chuột - suốt ngày

Ba làm việc _____ .	Con mèo _____ .

- Đọc tiếng có vần **uôt**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uôt**.

buốt	buột tay rơi , đau buốt	_____
suôt	sáng suốt, thông suốt	_____
nuôt	nuốt cơm, nuốt trọn	_____
chuôt	dưa chuột, chuột nhắt	_____

- **Trắng nuột:** Toàn một màu trắng bóng mượt trông đẹp. - **Chải chuốt:** Sửa sang, tô điểm bề ngoài. - **Vuột:** Thoát ra. - **Thông suốt:** Hiểu biết rành mạch. - **Nuốt trọn:** Nuốt mà không nhai. - **Dưa chuột:** Loại dưa leo quả nhỏ như con chuột.

• Tập đọc.

Chớ Hút Thuốc Lá

Chớ nên hút thuốc ai ơi,
 Người nghiền thuốc lá suốt đời **lao đao**.
 Phì phà khói thuốc bốc cao,
 Nhưng còn chất độc thấm vào thân ta.
 Làm cho nhiều bệnh phát ra,
 Như ung thư phổi khó mà sống lâu!
 Hại mình, còn hại người thân,
 Hít vào khói thuốc, **chết dần** như chơi!

Giải nghĩa:

- **Lao đao:** Vất vả, khổ sở. - **Chết dần:** Chết từ từ.

Đại ý:

Hút thuốc lá gây nên nhiều bệnh nguy hiểm và còn làm hại cả người thân.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uôc, uôt**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu.

Đọc câu có vần uôc, uôt	Đặt câu bằng miệng
Bà em thích cuốc đất trồng rau. Chị Mai xem rước đuốc thể vận hội. Chớ nên hút thuốc lá. Em làm bài suốt buổi chiều. Bé nuốt trọn cơm. Chuột nhắt hay cắn rách áo quần.	cái cuốc rước đuốc thuốc lá sáng suốt nuốt trọn con chuột

• **Việt sử.**

Hai Bà Trưng

Vào thời kì **Bắc thuộc** lần thứ nhất (từ năm 111 trước Dương Lịch tới năm 39 Dương Lịch), Nhà Hán (nước Tàu) **cai trị** nước ta khiến dân chúng rất khổ sở.

Thi Sách chống lại thì bị Thái Thú Tô Định bắt giết. Vợ Thi Sách là Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị phát cờ **khởi nghĩa**. Hai Bà đánh đuổi Tô Định về Tàu. Lên ngôi vua, Hai Bà đóng đô ở Mê Linh (nay là tỉnh Phúc Yên, Việt Nam).

Ba năm sau, nhà Hán lại sai tướng Mã Viện đem binh sang đánh. Vì quân ít, Hai Bà bị thua và cùng nháy xuống sông Hát **tuấn tiết**. Hàng năm, giỗ của Hai Bà Trưng được tổ chức vào ngày 26 tháng 2 Âm lịch.

Giải nghĩa:

- **Bắc thuộc:** Thời kì nước Việt Nam bị lệ thuộc nước Tàu. - **Cai trị:** Điều khiển bộ máy hành chánh để áp bức. - **Khởi nghĩa:** Nổi dậy vì đại nghĩa để giải phóng dân tộc. - **Tuấn tiết:** Chết để bảo toàn danh dự.

Câu hỏi:

1- Tại sao Trưng Trắc và Trưng Nhị lại khởi nghĩa ?

.....

2- Hai Bà đánh đuổi Tô Định về đâu ?

.....

• **Bài hát.**

Hát Vui

Cùng quây quần ta vui - vui - vui,
Ta ca hát với nhau chơi - chơi - chơi,
Rồi lên tiếng reo cười - cười - cười,
Làm vui thú bao người - người - người.

BÀI MƯỜI HAI

Ôn vần: uây uâng
 uôi uôm
 uôc uôt

• Tập đọc.

Trong Siêu Thị

Hàng hóa trong *siêu thị* đầy áp từ trên kệ cao đến quầy bên dưới. Chỉ cần đi một chợ là mua đủ mọi thứ cần dùng.

Như muối thì có *muối ăn* , *muối hạt* , muối để lọc nước. Không kể thuốc trị bệnh cho người còn có nhiều loại thuốc khác như thuốc nhuộm tóc, thuốc trừ chuột, kiến, sâu bọ... Nào là quầy rau tươi, trái cây đủ màu như xanh, vàng, tím, đỏ. Nào là quầy bánh, thịt, cá v.v...

Có vài siêu thị mở cửa suốt ngày đêm, *thuận lợi* cho dân chúng biết bao!

Giải nghĩa:

- *Hàng hóa*: Đồ vật bày bán được sắp có thứ tự. - *Siêu thị*: Cửa hàng lớn bán thực phẩm và đồ dùng trong nhà. - *Muối ăn*: Muối dùng để nấu ăn. - *Muối hạt*: Muối biển, từng hạt nhám có hình không đều nhau. - *Thuận lợi*: Dễ dàng và tiện lợi.

Đại ý:

Trong một cửa tiệm rộng lớn có bày bán đủ loại đồ dùng và thực phẩm cần thiết hàng ngày.

Trả lời câu hỏi:

1- Kể tên các loại muối mà em biết ?

.....

2- Kể tên bốn thứ thuốc có bán trong chợ ?

.....

3- Kể tên bốn thứ trái cây có màu xanh, vàng, tím, đỏ ?

.....

• **Từ ngữ - Đặt câu - Tục ngữ.**

Tìm từ:

- Các em tự chọn phụ âm đứng trước để ghép với vần cho sẵn thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
	uây			
	uâng			
	uôi			
	uôm			
	uộc			
	uôt			

Đặt câu.

Chọn năm (5) từ ghép ở trên và đặt thành năm (5) câu.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

• **Học ôn tục ngữ.**

“ Tiên học lễ , hậu học văn. ”

Giải nghĩa: Các em cần được thầy cô dạy lễ phép trước rồi mới học chữ nghĩa, văn chương sau.

• Tìm từ - Đặt câu - Câu đố.

Tìm từ phản nghĩa.

ngắn ≠

hẹp ≠

mở ≠

dưới ≠

Đặt câu.

- Ngắn:

- Hẹp:

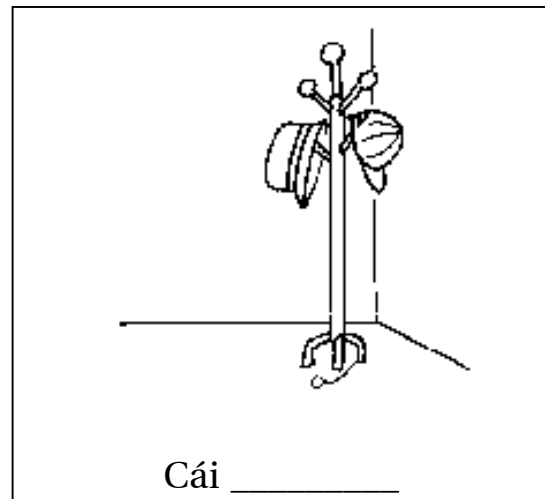
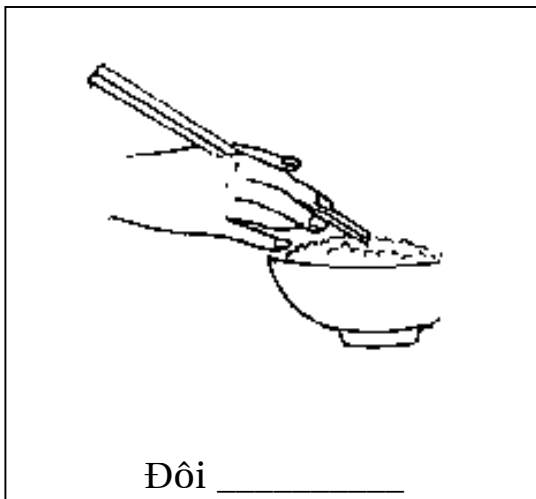
- Mở:

- Dưới:

Câu đố.

Năm thằng cầm hai cây sào,
Đuổi đàn cò trắng chạy vào trong hang.
Đố là cái gì?

Đi thì ăn tróc ngòi trên,
Về thì ro ró một bên góc nhà.
Đố là cái gì?



- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “ Trong Siêu Thị ”.

- **Địa lí.**

Tài Nguyên Thiên Nhiên Việt Nam

Việt Nam có nhiều lâm sản như gỗ quý và thú rừng.

Hải sản chính là cá và muối. Về khoáng sản, Việt Nam có nhiều mỏ như: than đá, đá vôi, thiếc, sắt, chì, bạc, vàng v.v. . .

Hiện nay, ở thềm lục địa Việt Nam có nhiều mỏ dầu đang được khai thác.

Giải nghĩa:

- **Tài nguyên:** Nguồn của cái sẵn có (thiên nhiên) chưa hoặc đang khai thác.

- **Thiên nhiên:** Tự nhiên, có sẵn không do con người làm ra. - **Lâm sản:** Sản vật ở rừng. - **Hải sản:** Sản vật ở biển. - **Khoáng sản:** Sản vật lấy ở mỏ. - **Thềm lục địa:** Phần đất chìm dưới mực nước biển ven bờ biển.

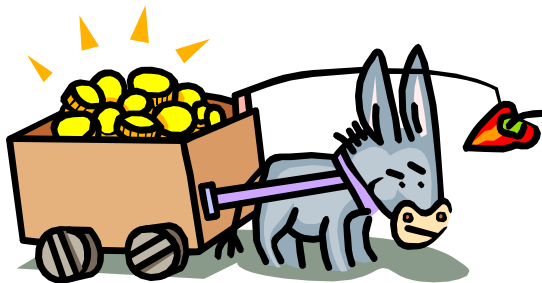
Câu hỏi:

1- Kể sáu loại lâm sản mà em biết ?

.....

2- Kể sáu loại hải sản mà em biết ?

.....



BÀI MƯỜI BA

Vần: **uôn** **ông**

- Ráp vần và đánh vần: **uôn**
 Phát âm: (*u-ô-nờ-uôn*)

t + uôn		tuôn <i>(tờ-uôn-tuôn)</i>	tuồn <i>(tờ-uôn-tuôn-huyền-tuồn)</i>
b		buôn	buồn bán, buồn ngủ
ch		chuôn	chuồn chuồn, <i>chuồn đi mất</i>
kh		khuôn	khuôn mặt, khuôn mẫu

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

khuôn hình - chuồn chuồn

Con _____ .	Má mua _____ đẹp.

- Đọc tiếng có vần **uôn**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uôn**.

- | | | |
|-------|------------------------------|-------|
| buôn | buồn bán, buồn cười | _____ |
| chuôn | chuồn đi mất, cá chuồn | _____ |
| khuôn | rập khuôn , khuôn mặt | _____ |

- **Tuôn**: Di chuyển thành dòng liên tục và nhanh. - **Tuồn** (*tuột*): Chảy một mạch không cản lại được. - **Chuồn đi mất**: Trốn đi mất. - **Rập khuôn**: Rập kiểu, *thật giống như khuôn đúc*.

• **Ráp vần và đánh vần: uông**

Phát âm:

(u-ô-ngờ-uông)

m + uông		muông	muống
		(mờ-uông-muông)	(mờ-uông-muông-sắc-muống)
l		luông	luống rau , luống hoa
x		xuông	lên xuống, chiếc xuống
ch		chuông	tiếng chuông, chuông heo

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Buồng chuối - uống nước

Bầy gà _____	_____ nhiều trái.

- Đọc tiếng có vần **uông**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uông**.

<i>muông</i>	<i>chim muông</i>	rau muống
luông	lồng điện, luống cà	_____
xuông	xuống lâu, xuống dốc	_____
chuông	chuồng ngựa, ưa chuộng	_____

- **Luống rau:** Vòng đất dài vun lên trồng rau.

- **Muông:** Thú rừng. - **Chim muông:** Loài chim và loài thú.

• Tập đọc.

Buổi Chiều Hè

Ngày sắp tàn, mặt trời đỏ rực. Ánh sáng *chênh chéch* trên ruộng lúa chín vàng. Gió thổi nhẹ, mấy con chuồn chuồn *bay là là* trên bờ cỏ. Nông dân thong thả dắt trâu, bò về chuồng. Chuông chùa từng tiếng buông nhẹ vào khoảng không gian *tĩnh mịch*.

Người buôn bán, kẻ làm việc *lũ lượt* trở về nhà. Họ nói cười vui vẻ. Mặt trời từ từ lặn, màn đêm buông xuống chầm chậm.

Giải nghĩa:

- *Chênh chéch*: Hơi xiên xiên. - *Bay là là*: Bay gần sát mặt đất. - *Tĩnh mịch*: Yên lặng. - *Lũ lượt*: Từng đoàn nối tiếp nhau.

Đại ý:

Buổi chiều hè ở miền quê thật tĩnh mịch. Mọi người trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uôn, uông**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần uôn, uông .	Đặt câu bằng miệng.
Buôn bán phải thật thà. Muốn cho hay chữ phải yêu mến thầy. Muốn thành công phải luôn cố gắng. Rau muống rất dễ trồng. Cây chuối đã trở buồng. Tiếng chuông chùa vang xa.	đi buôn em muốn luôn luôn rau muống buồng chuối chuông reo

• Văn phạm.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
<i>Buòn</i> chuối có nhiều <i>chái</i>
Con <i>chuồng chuồng</i> có cánh.
Em <i>luông</i> cố gắng học <i>hanh</i>
Em <i>khôn</i> thích rau <i>muốn</i>
<i>Truông</i> chùa <i>buôn</i> từng tiếng.
<i>Buông</i> bán phải thật <i>tha</i>

• Chính tả.

Viết chính tả theo bài “ Buổi Chiều Hè ”.

• Học thuộc lòng.

Cảnh Mùa Xuân

Suối trong, róc rách *nước tuôn* ,
Trên cành ríu rít *muôn chim* hót chào.
Ruộng đồng *xanh biếc* một màu,
Từng luồng gió nhẹ, hoa đào rung rinh.
Nắng lên rộn rã *bình minh*,
Xuân mang sức sống, đầy tình yêu thương.

Giải nghĩa:

- *Nước tuôn*: Nước chảy thành luồng nhanh và liên tục. - *Muôn chim*: Rất nhiều chim. - *Xanh biếc*: Xanh lam đậm. - *Bình minh*: Buổi sáng sớm (ban mai), lúc mặt trời mới mọc.

Đại ý:

Mùa xuân mang lại sức sống cho vạn vật.

BÀI MƯỜI BỐN

Vần: ươi ươi

- Ráp vần và đánh vần: ươi
Phát âm: (ư-ơ-i-ươi)

b + ươi		bưởi	bưởi
		(bờ-ươi-bưởi)	(bờ-ươi-bưởi-hỏi-bưởi)
c		cười	vui cười, cười ngựa
t		tươi	tươi tốt, tưới cây
ng		ngươi	con người , người ta

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

tươi hoa - cười ngựa

Ba em _____ .	Má em _____ .

- Đọc tiếng có vần ươi, sau đó viết một từ ghép cũng có vần ươi.

cười	vui cười, đám cưới	_____
tươi	tươi cười, tưới hoa	_____
ngươi	con người , người ta	_____

- **Cười ngựa:** (Cỡi ngựa) Ngồi trên lưng con ngựa. - **Con người:** Lỗ tròn nhỏ ở chính giữa tròng đen con mắt.

• **Ráp vần và đánh vần: ươu**

Phát âm:

(ư-ơ-u-ươu)

b + ươu		bươu <i>(bờ-ươu-bươu)</i>	bướu <i>(bờ-ươu-bướu-sắc-bướu)</i>
h		hươu	<i>con hươu</i> , hươu cao cổ
r		rượu	rượu nho, <i>rượu chè</i>
kh		khướu	<i>con khướu</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Con khướu - Con hươu

<p>_____ cao cổ.</p>	<p>_____ hát hay.</p>

- Đọc tiếng có vần **ươu**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **ươu**.

bướu	cái bướu,	con ốc bướu
hươu	con hươu	_____
rượu	rượu chè, rượu nếp	_____

- **Con hươu:** Thú rừng giống như con nai nhưng gạc ngắn hơn. - **Con khướu:** Loại chim lớn hơn chim sáo, lông đen, đuôi dài, hát hay. - **Rượu chè:** Hết rượu đến chè, ý nói đến ăn chơi bê tha (rượu chè be bét).

• Tập đọc.

Mùa Thu

Gió heo may thổi về *mát rượi*. Cái nóng trời hè không còn nữa. Cả màu xanh tươi của cây cỏ cũng đổi thay. Rừng thu trút lá như trái thắm màu sặc sỡ trên mặt đất. Giữa hàng *cây trơ trụi*, bầy hươu, nai *lững thững* đi tìm vài cành lá tươi còn sót lại.

Trong những ngày thu cuối tuần, ba em thường dạy con khướu học nói. Có khi vui cùng bạn già, ba dùng chút rượu nhẹ, hoặc cưỡi ngựa quanh khu rừng gần nhà.

Giải nghĩa:

- *Gió heo may*: Gió nhẹ, hơi lạnh vào mùa thu.
- *Mát rượi*: Rất mát mẻ.
- *Cây trơ trụi*: Cây không có lá.
- *Lững thững*: Dáng đi thong thả, chậm rãi từng bước một.

Đại ý:

Vào mùa thu, gió mát, lá rơi rụng. Ba em có những thú vui vào ngày nghỉ cuối tuần.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **ươi, ươu**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần ươi, ươu .	Đặt câu bằng miệng.
Đi học về, em tươi cười chào ba má. Ba dặn em chớ nên lười biếng. Mọi người đều thích hoa tươi. Hươu, nai là thú rừng. Chớ nên uống rượu. Con khướu hát rất hay.	tươi cười lười biếng tươi cây hươu cao cổ rượu đỏ con khướu

• **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Bà em đang <i>tươi</i> hoa.
Ba em đang <i>cười</i> ngựa.
Con <i>hươu</i> cao cổ ăn <i>la</i> cây.
Chớ <i>nen rượu</i> chè be bát.
Ai cũng <i>thích</i> hoa <i>tươi</i>
<i>Lười</i> biếng thì học <i>dở</i>

• **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “ Mùa Thu ”.

• **Học thuộc lòng.**

Không Nên Nói Nhiều

Nói năng ta phải *lựa lời* ,
Người khôn ít nói, tươi cười mới hay.
Chớ nên nói lắm *nhàm* tai,
Ca dao có dạy câu này đừng quên:
“ *Rượu nhạt* uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.”

Giải nghĩa:

- *Lựa lời*: Suy nghĩ kĩ trước khi nói. - *Nhàm*: Thường, chán. - *Rượu nhạt*: Rượu ít nồng, ít cay.


Đại ý:

Không nên nói nhiều và lập lại điều mình đã nói.

BÀI MUỖI LĂM

Vần: ươc ươt

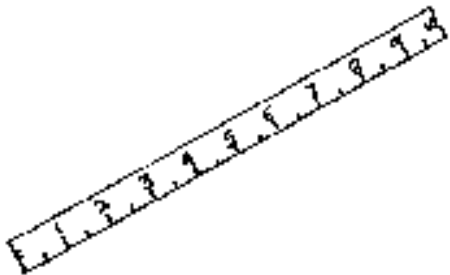

- Ráp vần và đánh vần: ươc
Phát âm: (ư-ơ-cờ-ươc)

b + ươc		bước	
		<i>(bờ-ươc-bước-sắc-bước)</i>	
d		dươc	dược sĩ, <i>thược dược</i>
n		nước	nước lọc, nước cam
ng		ngước	ngước mặt, ngước chiều

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

rước đèn - Cây thước

	
_____ dài một mét.	Bé _____ trung thu.

- Đọc tiếng có vần **ươc**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **ươc**.

dược	<i>dược sĩ, dược thảo</i>	_____
nước	nước mưa, nước biển	_____
ngước	ngước lại, ngước mặt	_____

- **Dược sĩ:** Người tốt nghiệp đại học về nghiên cứu và bào chế thuốc để chữa bệnh.
- **Thược dược:** Một loại hoa giống như hoa cúc nhưng lớn hơn. - **Dược thảo:** Cây, cỏ dùng làm thuốc.

• **Ráp vần và đánh vần: ươt**

Phát âm:



(ư-ơ-tờ-ươt)

l + ươt		lướt	lượt
		(lờ-ươt-lướt-sắc-lướt)	(lờ-ươt-lướt-nặng-lướt)
m		mướt	xanh <i>mướt</i> , <i>mướt mà</i>
th		thướt	<i>thướt tha</i> , <i>dài thướt</i>
tr		trượt	trượt chân, trượt nước

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

thướt tha - đường ướt

 <p>Áo dài _____ .</p>	 <p>Trời mưa _____ .</p>
--	---

- Đọc tiếng có vần **ươt**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **ươt**.

mướt	xanh mướt, sướt mướt	_____
thướt	dáng điệu thướt tha	_____
trượt	trượt chân	_____

- *Mướt: Mướt mà: Trơn láng như thoa dầu.* - *Dài thướt: Rất dài.* - *Thướt tha: Yếu điệu.* - *Sướt mướt: Dầm dề (Khóc sướt mướt).*

• Tập đọc.

Buổi Sáng Mùa Đông

Trời lạnh buốt. Đồng hồ báo thức reo vang. Em **ước ao** được nằm thêm mười phút nữa trong chăn ấm. Nhưng mẹ đã **dục** em dậy đi học. Hôm nay trời mưa lớn. Mặt đường ướt và trơn. Mẹ lái xe cẩn thận vì sợ bị **trơn trượt**. Từng hạt mưa lướt trên cửa kính nghe lộp độp. Trong khi ấy, nhiều bạn đi bộ đến trường. Giày và áo đều **ướt rượt**. Vào lớp, ai nấy tươi cười vui vẻ.

Giải nghĩa:

- **Ước ao:** Mong muốn. - **Dục:** Hối thúc, thúc dục. - **Trượt:** Bị trơn, bánh xe không bám chặt vào mặt đường. - **Ướt rượt:** Thấm nhiều nước.

Đại ý:

Mùa đông, trời mưa lạnh, học sinh vẫn vui vẻ đến trường.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **ước, ướt**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần ước, ướt .	Đặt câu bằng miệng.
Chị đi trước, em theo sau. Ba chèo ghe ngược dòng nước. Bà trồng hoa thược dược. Má mua bình lướt nước. Đường trơn, dễ trượt chân. Cây bên hồ xanh mướt.	đến trước lội nước dược sĩ lần lướt trượt chân mướt mà

- **Việt sử.**

Bà Triệu

Trong thời Bắc thuộc lần thứ hai (43 - 544), người Tàu cai trị nước ta một cách **tàn bạo** nên dân Việt rất đau khổ.

Năm 248, bà Triệu Thị Chính cùng anh là Triệu Quốc Đạt nổi lên ở Cửu Chân, đánh lại nhà Ngô (nước Tàu). Lúc đầu, bà Triệu thắng nhiều trận. Bà thường cưỡi voi, phát ngọn cờ vàng, **xông pha** khắp mọi nơi. Quân giặc rất khiếp sợ.

Về sau, nhà Ngô kéo đạo binh rất lớn sang đánh. Vì quân ít, bà bị thua nên phải tuân tiết.

Hiện nay, còn đền thờ bà Triệu tại làng Phú Điền, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Giải nghĩa:

- **Tàn bạo:** Tàn nhẫn và hung ác. - **Xông pha:** Dấn thân vào nơi gian nguy.

Câu hỏi:

1- Trong thời Bắc thuộc người Tàu đối xử dân Việt như thế nào ?

.....

2- Ai đã đánh lại quan quân Tàu hung ác ?

.....

- **Bài hát.**

Reo Vang Bình Minh

Liu lú, lo lo, chim oanh ca hát say sưa,
Hát lên chào mừng bình minh luôn tươi sáng.
Tang tang tang tính tang tang, ta ca, ta hát say sưa,
Hát lên chào mừng bình minh sáng muôn năm.

Hùng Lĩnh

• Đếm Số.

101	một trăm lẻ một	<i>(một trăm linh một)</i>
102	một trăm lẻ hai	<i>(một trăm linh hai)</i>
103	một trăm lẻ ba	<i>(một trăm linh ba)</i>
104	một trăm lẻ bốn	<i>(một trăm linh bốn)</i>
105	một trăm lẻ năm	<i>(một trăm linh năm)</i>
106	một trăm lẻ sáu	<i>(một trăm linh sáu)</i>
107	một trăm lẻ bảy	<i>(một trăm linh bảy)</i>
108	một trăm lẻ tám	<i>(một trăm linh tám)</i>
109	một trăm lẻ chín	<i>(một trăm linh chín)</i>
110	một trăm mười	
500	năm trăm	
1.000	một ngàn	
10.000	mười ngàn	
100.000	một trăm ngàn	
1.000.000	một triệu	
1.000.000.000	một tỉ	

BÀI THI MẪU CUỐI KHÓA

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: uây, uôm, uôt, ươi, ược...)

- Chép lại cả câu có những từ vừa tìm đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (12 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 12 câu có từ viết sai.

(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 9 đến bài 15)

Thí dụ:

Cây *tranh* nhà em có rất nhiều *chái*.

1. Cây chanh nhà em có rất nhiều trái.

2.

3.

4.

.....

13.

III- Tìm từ - Đặt câu (10 điểm).

Cho 4 từ để các em tìm từ phản nghĩa và đặt câu với những từ ấy.

Thí dụ:

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

già ≠ trẻ ≠
..... ≠ ≠

Đặt câu:

1. trẻ: Mặc dù đã lớn tuổi nhưng trông cô vẫn ***trẻ***.
2.:
-:
5.:

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Tìm từ ghép và đặt câu (20 điểm).

- Ráp phụ âm với vần thành từ đơn, rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Thí dụ:

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Tìm hai từ ghép
t, l	ươi	tươi	xanh tươi, lưỡi học
1., ,
2., ,
3., ,
4., ,

- Hãy đặt 4 câu với 4 từ ghép vừa tìm ở trên.

Thí dụ:

1. xanh tươi.

Trên đồng cỏ ***xanh tươi***, có nhiều con bò đang ăn cỏ.

2.

.....

3.

.....

4.

.....

5.

.....

VI- Địa lí (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới
..... và thường có mưa bão vào mùa hè từ Tháng Tư đến Tháng Chín.

- Câu hỏi:

1. Nước Việt Nam ở vào vùng khí hậu nào ?

2. ?

3. ?

VII- Việt sử (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Bà Triệu

Trong thời kì Bắc thuộc lần thứ hai
..... Hiện nay còn đền thờ
bà Triệu tại làng Phú Diên, tỉnh Thanh Hóa , Việt Nam.

- Câu hỏi:

1. Hiện nay ở nơi nào có đền thờ bà Triệu ?
2. ?
3. ?

PHIẾU ĐIỂM THI CUỐI KHÓA _____

Cấp lớp: _____

Họ và tên học sinh: _____

Thầy cô phụ trách: _____

- Tập đọc : _____ điểm.
- Tập viết : _____ điểm.
- Chính tả : _____ điểm.
- Học thuộc lòng : _____ điểm.
- Việt sử: _____ điểm.
- Địa lí : _____ điểm.
- Bài làm trong lớp : _____ điểm.
- Bài làm ở nhà : _____ điểm.

- Số lần đi trễ : _____ lần.
- Số ngày vắng mặt : _____ ngày.

- Hạnh kiểm : _____

Lời phê của thầy cô phụ trách :

.....
.....
.....
.....

Được lên lớp: có không

Ý kiến phụ huynh :

.....
.....
.....
.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 1

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ Em Học Việt Ngữ ” và “ Ngày Khai Trường ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.
- Trả lời câu hỏi theo bài “ Em Học Việt Ngữ ” :

1- Hôm nay, em dậy sớm để làm gì ?

.....

2- Học sinh cần biết tên và số điện thoại của thầy cô để làm gì ?

.....

3- Em viết lại câu ca dao trong bài.

.....

.....

- Tìm từ trong bài “ Ngày Khai Trường ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Sau những ngày nghỉ hè, em cấp sách trở lại trường. Em _____

_____ gặp lại bạn học từ bốn phương. Em thấy _____

_____ trong lòng. Trong lớp học có mùi thơm của sơn mới.

Gặp lại các em, cô giáo nhắn nhủ:

“Các em nên chăm chỉ và _____ ngoan học hành. Phải tỏ lòng

kính mến cha mẹ, yêu _____ và quê hương.”

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép	
th	oai	thoại	điện thoại	thoải mái
ng	oai			
l, x	oai			
đ, h	oan			
ng, t	oan			
l, x	oan			

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

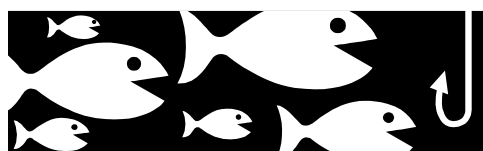
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Chó, *meo*, chim là *loai* vật.

.....

Bà *ngoài* đi chợ mua *xoai*.

.....

Chị Loan *lam* toán *gioi*.

.....

Be Hoàn rất ngoan *ngoan*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

tối \neq

ngoài \neq

xa \neq

trắng \neq

- Đặt câu:

- Tối:

- Xa:

- Ngoài:

- Ngoan:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “ **Em Học Việt Ngữ** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại bài “ **Ngày Khai Trường** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 2

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Chị Mai và Em** ” và “ **Phải Thật Thà** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.
- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Phải Thật Thà** ” :

1- Người xưa đã dạy chúng ta khi nói phải như thế nào ?

.....

2- Muốn thật thà em phải nói ra sao ?

.....

3- Việc làm và lời nói thật thà sẽ được gì ?

.....

.....

- Tìm từ trong bài “ **Chị Mai và Em** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em cao suýt _____ bằng chị Mai. Em thích cùng nhau đi học tiếng Việt.

Chị Mai học rất giỏi, nói năng _____ . Chị _____ giải nhất về môn toán vào năm ngoái. Nhiều người mến chị vì tính tình dứt khoát và nhất là không _____ với ai bao giờ.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép	
t	oac	toạc	rách toạc	
h, ng	oac			
kh	oac			
t, h	oat			
th, s	oat			

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu:

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Ba *khoac* áo mưa đi *lam*.

.....

Chị Mai *noi* thật *hoat* bát.

.....

Em *độc* bài lưu *loạt*.

.....

Trưa hè nóng *toạt* mồ *hoi*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

nghèo \neq

trẻ \neq

nóng \neq

sống \neq

- Đặt câu:

Nghèo:

Nóng:

Trẻ:

Sống:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “ **Chị Mai và Em** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại bài “ **Phải Thật Thà** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 3

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “Anh Khoát ” và “ Đọc câu có vần ă, ơ, ơ ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.
- Trả lời câu hỏi theo bài “ Anh Khoát ”:

1- Anh Khoát có thân hình ra sao ?

.....

2- Anh thích hoạt động gì ?

.....

3- Nhờ đâu anh đoạt giải nhất về đi bộ ?

.....

4- Vì sao bạn học quý mến anh ?

.....

- Tìm từ trong phần “ Đọc câu có vần ă, ơ, ơ ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Các cháu _____ bên bà để nghe bà kể chuyện.

Có khi em băn _____ chưa biết nên học bài gì trước.

Mũi đinh nhọn hoắt, mũi kim cũng _____.

Anh Khoát đi thoăn _____.

Con chó _____ đuôi mừng em về nhà.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
h	oăn		
kh	oăn		
ng , x	oăn		
h	oăt		
l , ch	oăt		
ng	oăt		

- Chọn năm từ ghép đã viết ở trên và đặt thành năm câu:

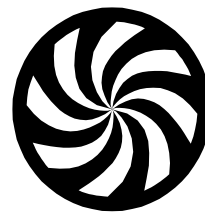
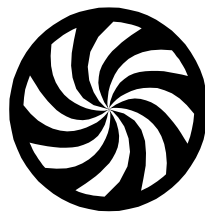
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Khoát *la* học *xinh* giỏi.

.....
Thân *hình* anh loắt *choắt*.

.....
Khoát *bước* đi thoăn *thoat*.

.....
Anh không lo *lang* bản *khoan*.

- Tìm từ phản nghĩa:

lớn \neq

ngắn \neq

cao \neq

vui \neq

- Đặt câu:

Lớn:

Cao:

Ngắn:

Vui:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “ **Anh Khoát** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại các câu trong “ **Độc câu có vần ă, ơ, ơ** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 4

I. Tập đọc - Điền chỗ trống - Chọn câu.

- Đọc kĩ bài “ Ngày TỰU TRƯỜNG ” và “ KHÍ HẬU VIỆT NAM ”. Sau đó thâu vào băng cassette 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Tìm từ trong bài “ Ngày TỰU TRƯỜNG ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ngày đầu tiên của khóa học, học sinh khắp nơi tấp đến trường Việt Ngữ Văn Lang. Hoàn,, gặp lại nhau hỏi han tíu tít, cười nói liên tiếp không dứt. Bé là học sinh mới nên còn rụt rè, e lệ, níu lấy mẹ.

Tối giờ học, thầy cô ra sân để dẫn các em vào lớp.

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|-------------------|---|
| Tóc loăn xoăn là | <input type="checkbox"/> tóc quăn thành nhiều vòng. |
| | <input type="checkbox"/> tóc quăn thành bím. |
| | <input type="checkbox"/> tóc rối vào nhau. |
| Áo rách toạc là | <input type="checkbox"/> áo rách nát. |
| | <input type="checkbox"/> áo rách nhỏ. |
| | <input type="checkbox"/> áo rách lớn. |
| Đi thoăn thoắt là | <input type="checkbox"/> đi chậm chạp. |
| | <input type="checkbox"/> đi nhanh nhẹn. |
| | <input type="checkbox"/> đi từ từ. |

II. Giải nghĩa - Đặt câu.

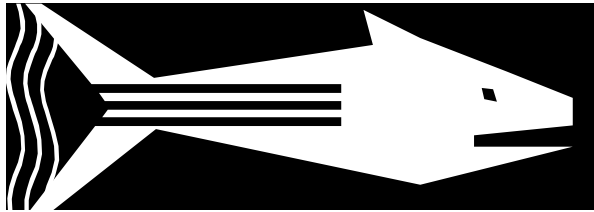
- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Ông bà ngoại:.....

Người nói khoác:.....

Bé ngoan ngoãn.....

Phim hoạt họa:



- Đặt câu:

Bà ngoại:

Chớ nên nói khoác.....

Ngoan ngoãn:

Loắt choắt:.....

Thoăn thoắt:.....

III. Văn phạm - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả:

Ông *ngoài* ngồi đọc *bao*.

.....

Chó *nen* nói *khoac* với ai.

.....

Anh Hoàn *sem* phim *hoat* họa.

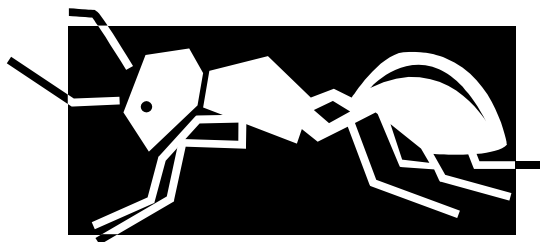
.....

Tóc bé Loan *loan xoan*.

.....

Mũi kim khâu *nhon hoat*.

.....



- Đặt câu:

Ngồi đọc báo:

Khoác áo ấm:

Gai nhọn hoắt:

Phim hoạt họa:

Áo quần rách toạc:.....

IV Chính tả.

- Chép lại bài “ Ngày Tựu Trường ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



- Chép lại bài “ Khí HẬu Việt Nam ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 5

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Căn Nhà Mới** ” và “ **Bé Oanh** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Căn Nhà Mới** ” :

1- Nhà mới chưa hề ở còn gọi là nhà mới ?

.....

2- Thay đổi luôn luôn còn gọi là thay đổi ?

.....

3- Vì sao cha mẹ em vui mừng ?

.....

4- Kể lí do làm em sung sướng ?

.....



- Tìm từ trong bài “ **Bé Oanh** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em là bé _____ mới lên ba tuổi. Bà _____ yêu quý và cưng bé nhất nhà. Mỗi lần sắp đi xa, bé _____ tay dạ bà.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
kh	oanh		
t	oanh		
ng, l	oanh		
h	oach		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Nhà em ở *xát* chân *đôi*.

.....

Ba lái xe *loang* quanh độ 5 phút thì *đên* nơi.

.....

Thay đổi xoành *xoach* nghĩa là thay đổi *nhìu* lần.

.....

Bé Oanh *khoang tai* dạ bà.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

mới \neq

nhỏ \neq

đen \neq

đẹp \neq

- Đặt câu:

Mới:

Đen:

Nhỏ:

Đẹp:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Căn Nhà Mới ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Bé khoanh tay:

Xe đạp mới toanh:

Kế hoạch học tập:

- Đặt câu:

Khoanh tay:

Mới toanh:

Kế hoạch:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 6

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc kĩ bài “ Bé Hoàng ” và “ Gà, Chó và Chim Kéc ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ Bé Hoàng ” :

1- Bé Hoàng ở với ai ?

.....

2- Hoàng nói liên liên còn gọi là nói..... ?

.....

3- Thỉnh thoảng Hoàng chơi với con gì ?

.....

4- Khi bị nắm đuôi con chó làm gì ?

.....

- Tìm từ trong bài “ Gà, Chó và Chim Kéc ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ba em nuôi ba con vật là _____, _____, _____.

Con kéc nói liên _____ cả ngày. Con gà cồ trông thật _____ vệ.

Ba nuôi con chó có đốm, có khoang còn gọi là chó vá. Tiếng nó sủa

_____.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
h	oang		
th	oang		
l	oang		
th	oăng		
l, ng	oăng		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

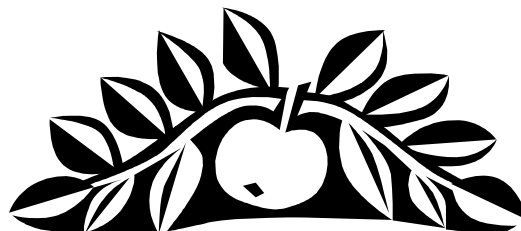
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Bé Hoàng ở *nha* với ông bà *ngoai*.

.....

Cảnh mặt *trời* lên thật huy *hoang*.

.....

Thỉnh *thoang* ba em đi câu *ca*.

.....

Con kéc *noi* liến *thoang*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

mua \neq

tối \neq

chậm \neq

trong \neq

- Đặt câu:

Mua:

Chậm:

Tối:

Trong:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Bé Hoàng ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Nói liền thoảng:

Thỉnh thoảng:

Mở toang cửa:

- Đặt câu:

Liền thoảng:

Thỉnh thoảng:

Mở toang cửa:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 7

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Buổi Tối Trong Gia Đình** ” và “ **Độc câu có vần uân, uât** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Buổi Tối Trong Gia Đình** ” :

1- Gia đình em quây quần ở đâu ?

.....

2- Ông ngoại đang đọc gì ?

.....

3- Má giúp em làm bài gì ?

.....

4- Muốn là học sinh tốt em phải làm sao ?

.....

- Tìm từ trong bài “ **Buổi Tối Trong Gia Đình** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Mặt trời vừa _____ sau đời thì gia đình em dùng xong bữa cơm tối.

Cả nhà _____ nơi phòng khách. Ông ngoại đọc báo. Má

giúp em làm _____ văn và _____.

Má còn nhắc nhở em phải cố giữ gìn _____ nhà trường và cố là một học sinh tốt. Bé

Tuấn nghe bà kể chuyện cổ tích.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
kh	uân		
t	uân		
x,q	uân		
l	uât		
x	uât		
th	uât		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

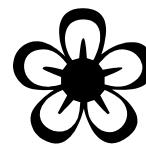
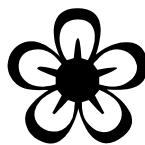
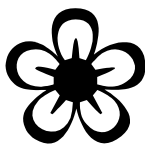
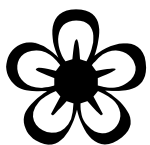
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Mặt *chời* vừa khuấy *xau* đời.

.....

Cả gia đình quây *quàng* nơi *phòng* khách.

.....

Ông bà chăm *trú* đọc báo tiếng *Việc*.

.....

Má *dúp* em làm bài *luân* văn và toán.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

đúng \neq

xấu \neq

mau \neq

trước \neq

- Đặt câu:

Đúng:

Mau:

Xấu:

Trước:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ **Buổi Tối Trong Gia Đình** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Quây quần:

Kỉ luật:

Khuôn vác:

- Đặt câu:

Quây quần:

Kỉ luật:

Khuôn vác:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 8

I. Tập đọc - Điền chỗ trống - Chọn câu.

- Đọc bài “ **Sửa Soạn Đi Xa** ” và “ **Dân Cư Việt Nam** ”. Sau đó thâu vào băng cassette 2 lần để nạp thày cô chấm điểm tập đọc.

- Tìm từ trong bài “ **Sửa Soạn Đi Xa** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Theo đúng kế hoạch ba em thỉnh _____ đưa gia đình đi chơi xa.

Ông bà ngoại săn sóc bé _____. Em giữ con chó nhỏ hay kêu _____ _____. Má em sắp xếp áo quần và đồ ăn. Còn ba _____ vác lều vải lên xe để dựng trại.

Ai nấy _____ _____ ngồi vào trong xe để ba lái cho kịp giờ đã định.

- Đánh dấu **X** vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|-----------------|--|
| Thỉnh thoảng là | <input type="checkbox"/> luôn luôn xảy ra. |
| | <input type="checkbox"/> lâu lâu có một lần. |
| | <input type="checkbox"/> thường xuyên xảy ra. |
| Kế hoạch là | <input type="checkbox"/> việc không dự định làm. |
| | <input type="checkbox"/> việc dự định làm có thứ tự. |
| | <input type="checkbox"/> việc định làm rồi bỏ dở. |
| Khuân vác là | <input type="checkbox"/> chở vật nặng. |
| | <input type="checkbox"/> kéo vật nặng. |
| | <input type="checkbox"/> mang vật nặng bằng hai tay, lưng hoặc vai |

II. Giải nghĩa - Đặt câu.

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Xe ô tô mới toanh:

Nói liến thoắng:

Ngã xoành xoạch:

Thỉnh thoảng:

Khuôn vác:



- Đặt câu:

Mới toanh:

Liến thoắng:

Xoành xoạch:

Thỉnh thoảng:

Khuôn vác:

III. Văn phạm - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Gia đình *sửa soạn* đi chơi xa.

.....

Kế *hoạch* là việc làm có thứ *tư* theo dự định.

.....

Khuôn *vac* là mang vật nặng bằng hai tay, *lung* hay vai.

.....

Em *ngoảnh* đầu nhìn lại nhà em.

.....

Ngôi *nhà khuất* sau hàng cây.

.....



Đặt câu:

Sửa soạn:

Té ngã:

Kế hoạch:

Ngoảnh đầu:

Nhà khuất:

IV Chính tả - Tìm từ - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Sửa Soạn Đi Xa ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

khó \neq

sau \neq

xa \neq

nặng \neq

- Đặt câu:

Khó:

Xa:

Sau:

Nặng:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 9

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ Ba Ngày Tết ” và “ Ngày Giỗ ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ Ba Ngày Tết ” :

1- Cả gia đình quây quần làm gì ?

.....

2- Các con, các cháu chúc thọ ai ?

.....

3- Nhờ đâu ông bà khuây khỏa nỗi buồn xa quê hương ?

.....

4- Tại sao ông bà hãy còn băng khuâng ?

.....

- Tìm từ trong bài “ Ngày Giỗ ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ngày giỗ ông em, bà con nội ngoại _____ bên nhau. Trên bàn thờ, đèn _____ sáng trưng.

Trông làn khói hương lan tỏa khắp nhà, em băng _____ nhớ lại lời dạy bảo ân cần của ông nội. Than ôi! _____ khỏa sao được mỗi khi nghĩ tới ông nay không còn nữa.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
q	uây		
q	uây		
kh	uây		
q	uâng		
kh	uâng		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Cả gia đình *quai* quần bên bàn *tho* tổ.

.....

Con cháu lần *lược trúc* thọ ông bà.

.....

Đại *da* đình sum họp vui ba *ngài* Tết.

.....

Ông bà khuây *khõa* nỗi buồn xa *que* hương.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

già \neq

mỏng \neq

nhỏ \neq

khỏe \neq

- Đặt câu:

Già:

Nhỏ:

Mỏng:

Khỏe:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Ba Ngày Tết ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Quầy hàng:

Quàng mắt:

Bâng khuâng:

- Đặt câu:

Quầy hàng:

Quàng mắt:

Bâng khuâng:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 10

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Đi Câu** ” và “ **Bổn Phận Làm Con** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Đi Câu** ” :

1- Cha em thường đi câu cá vào lúc nào ?

.....

2- Khi mặt trời lên, những vầng mây bạc trở nên màu gì ?

.....

3- Màu nước hồ ra sao ?

.....

4- Tiếng suối chảy như thế nào?

.....

- Tìm từ trong bài “ **Bổn Phận Làm Con** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Công _____ của cha mẹ nuôi con to lớn ví như _____ _____ bao la. Da nhăn, tóc bạc trắng là lúc cha mẹ _____ _____. Chúng ta có bổn phận chăm sóc, kính yêu và làm cho cha mẹ vui _____ mới gọi là người con có hiếu.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
b, ch	uôi		
m, t	uôi		
s, x	uôi		
b	uôm		
nh	uôm		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

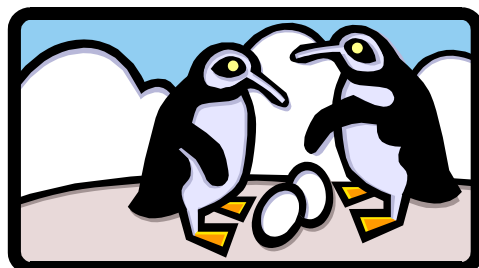
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Cha mẹ *nui* con bằng *chời* bằng bể.

.....

Tiếng *xuối* chảy róc *rét*.

.....

Má em *nhộm toc* màu đen.

.....

Vùng vịnh San Francisco có *nhìu* tàu *bòm*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

ít \neq

nhẹ \neq

đủ \neq

lạnh \neq

- Đặt câu:

Ít:

Đủ:

Nhẹ:

Lạnh:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “Đi Câu”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Buổi sáng:

Nhuộm hồng:

Tuổi thơ:

- Đặt câu:

Buổi sáng:

Nhuộm hồng:

Tuổi thơ:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 11

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Chó Hút Thuốc Lá** ” và “ **Hai Bà Trưng** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.
- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Chó Hút Thuốc Lá** ” :

1- Người hút thuốc lá mỗi ngày thì gọi là người?

.....

2- Hãy kể những bệnh do thuốc lá gây nên ?

.....

3- Người hít phải khói thuốc lâu ngày có mắc bệnh không ?

.....

4- Đời người ghiền thuốc lá sẽ ra sao ?

.....

- Tìm từ trong bài “ **Chó Hút Thuốc Lá** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Do chất độc của thuốc lá ngấm vào thân thể, người ghiền _____ sẽ mắc bệnh như ung thư _____. Chó nên hút thuốc lá vì tốn tiền mà còn làm hại cả người _____. Khi hít phải khói _____, người không hút thuốc cũng bị bệnh như người ghiền thuốc vậy. Lúc mang bệnh ung _____ rồi thì cả đời còn lại khổ đau. Hiện nay, ngành y khoa vẫn chưa tìm ra thuốc chữa được bệnh _____ thư.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
b, c	uôc		
đ, ch	uôc		
th	uôc		
b, t	uôt		
r, ch	uôt		
s, n	uôt		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

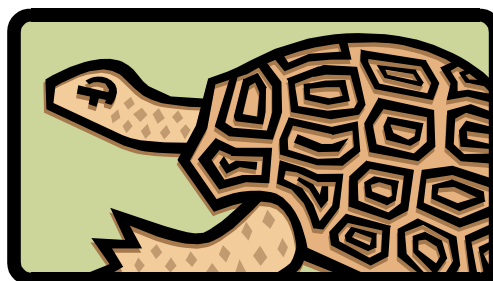
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Chất độc của *thức* lá gây bệnh ung *thu*.

.....

Người ghiền thuốc lá *xuốt* đời *khỏ* đau.

.....

Ba em thích *quốc* đất *chồng* rau.

.....

Loài chuột là *loai* gặm *nhâm*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

ướt \neq

hại \neq

yếu \neq

nhiều \neq

- Đặt câu:

Ướt:

Yếu:

Hại:

Nhiều:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Chớ Hút Thuốc Lá ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Chuồn chấu:

Lạnh buốt:

Thông suốt:

- Đặt câu:

Chuồn chấu:

Lạnh buốt:

Thông suốt:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 12

I. Tập đọc - Điền chỗ trống - Chọn câu.

. Đọc bài “ Trong Siêu Thị ” và “ Tài Nguyên Thiên Nhiên Việt Nam ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Tìm từ trong bài “ Trong Siêu Thị ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Trong siêu _____ có bày bán thực phẩm, đồ dùng hàng ngày cho mọi gia đình.

Tất cả được sắp đặt có thứ tự trên _____ hay kệ cao. Hàng hóa như là _____ nấu ăn, khoai, chuối, thịt, cá Có thuốc trị ho, nhức đầu.

Có thuốc _____ tóc, trừ chuột, diệt sâu bọ. Hàng ngàn loại đồ dùng, thức ăn tươi hoặc khô hay đóng hộp khác nữa.

Siêu thị mở cửa _____ ngày đêm.

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|-------------|--|
| Siêu thị là | <input type="checkbox"/> tiệm bán đồ ăn liền. |
| | <input type="checkbox"/> cửa hàng nhỏ bán vài loại hàng hóa. |
| | <input type="checkbox"/> cửa hàng lớn bán đủ loại hàng hóa. |
| Hàng hóa là | <input type="checkbox"/> thức ăn hàng ngày. |
| | <input type="checkbox"/> đồ vật bày bán để lộn xộn. |
| | <input type="checkbox"/> đồ vật bày bán sắp xếp có thứ tự. |
| Muối ăn là | <input type="checkbox"/> muối để lọc nước. |
| | <input type="checkbox"/> muối hột. |
| | <input type="checkbox"/> muối dùng để nấu nướng. |

II. Giải nghĩa - Đặt câu.

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Khuây khỏa:

Bâng khuâng:

Tuổi thơ:

Chuồn chuồn:

Siêu thị:



- Đặt câu:

Khuây khỏa:

Bâng khuâng:

Tuổi thơ:

Chuồn chuồn:

Siêu thị:

III. Văn phạm - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Các cháu *quay* quần quanh *ong* bà.

.....

Bà *bang* khuâng nhìn *hìng* ảnh cũ.

.....

Ánh mặt trời *nhum* hồng những *vành* mây bạc.

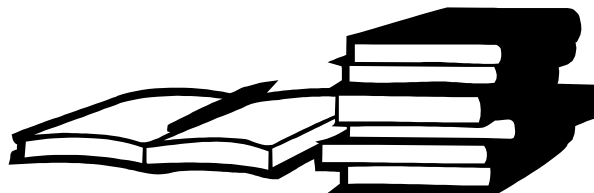
.....

Nhựa *thuoc* lá là chất độc gây *bìng* ung thư.

.....

Xiêu thị mở cửa *xuốt* đêm ngày.

.....



- Đặt câu:

Quây quần:

Muối ăn:

Nhuộm tóc:

Thuốc lá:

Quày bánh:

IV Chính tả - Tìm từ - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Trong Siêu Thị ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

đầy \neq dài \neq

dưới \neq cũ \neq

- Đặt câu:

Đầy:

Dưới:

Dài:

Cũ:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 13

I. Tập đọc - Trả lời câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ **Buổi Chiều Hè** ” và “ **Cảnh Mùa Xuân** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Buổi Chiều Hè**” :

1- Mặt trời sắp lặn có màu gì ?

.....

2- Cho biết màu của lúa chín ?

.....

3- Máy con chuồn chuồn bay ở đâu ?

.....

4- Mọi người nghe tiếng ngân vang từ cái gì ?

.....

- Tìm từ trong bài “ **Cảnh Mùa Xuân** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Trong mùa xuân, cảnh vật đổi thay sau những ngày đông lạnh lẽo. Có
sối nước trong veo _____ chảy. _____ chim ríu rít trên cành.
_____ lúa xanh biếc một màu. Hoa đào rung rinh trước _____
gió nhẹ. Nắng xuân sưởi ấm muôn loài. Cây cỏ tươi tốt. Người người
sống vui, yêu người và yêu đời.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Các em tự chọn phụ âm để ghép vần thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
	uôn		
	uôn		
	uôn		
	uông		
	uông		
	uông		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Tiếng *chuôn* chùa vang *sa*.

.....

Một buồng *chúi* có nhiều *chái*.

.....

Muống cho hay chữ phải *kính* mến thầy cô.

.....

Nước suối *tun* chảy róc *rát*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

chín \neq

mỏng \neq

nhẹ \neq

buồn \neq

- Đặt câu:

Chín:

Nhẹ:

Mỏng:

Buồn:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ **Buổi Chiều Hè** ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Lũ lượt:

Nước tuôn:

Bình minh:

- Đặt câu:

Lũ lượt:

Nước tuôn:

Bình minh:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 14

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “ Mùa Thu ” và “ Không Nên Nói Nhiều ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ Mùa Thu ” :

1- Khí hậu mùa thu khác mùa hè ra sao ?

.....

2- Vào mùa thu, lá xanh đổi thành màu gì ?

.....

3- Lá phủ đầy mặt đất như trái gì ?

.....

4- Bầy hươu, nai đi về đâu ?

.....

- Tìm từ trong bài “ Không Nên Nói Nhiều ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ca dao có câu:

“ _____ nhạt uống lấm cũng say,
_____ khôn nói lấm dẫu hay cũng nhàm.”

Câu này nhắc nhở mọi người hãy thận trọng lời nói. _____ khôn nên nói ít, luôn tươi _____ vui vẻ. Lời nói hay mấy cũng không nên lặp lại nhiều lần vì nhàm tai.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Các em tự chọn phụ âm để ghép vần thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
	ươi		
	ươi		
	ươi		
	ươi		
	ươi		
	ươi		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

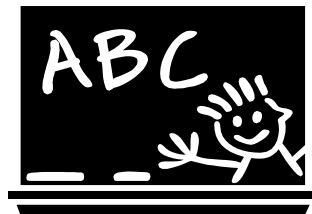
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Ba em cười *ngua* quanh khu rừng *gàng* nhà.

.....

Má em *tươi* cây mỗi *ngay*.

.....

Đi học về, em tươi *kươi* chào ba *ma*.

.....

Người ghiền *rựu* dễ mắc nhiều *binh*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

thiếu \neq

mềm \neq

cười \neq

khô \neq

- Đặt câu:

Thiếu:

Cười:

Mềm:

Khô:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Mùa Thu ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Mát rượi:

Cây trơ trụi:

Lựa lời:

- Đặt câu:

Mát rượi:

Cây trơ trụi:

Lựa lời:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 15

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc kĩ bài “ **Buổi Sáng Mùa Đông** ” và “ **Bà Triệu** ”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi bài “ **Buổi Sáng Mùa Đông** ” :

1- Trời mùa đông lạnh ra sao ?

.....

2- Em ước ao điều gì ?

.....

3- Trời mưa, mặt đường thế nào ?

.....

4- Người lái xe dễ gây tai nạn vì sao ?

.....

- Tìm từ trong bài “ **Buổi Sáng Mùa Đông** ”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Trời mùa đông lạnh _____. Mẹ dục em dậy đi học. Nhưng em _____ ao được nằm thêm mười phút nữa trong chăn ấm.

Ngoài kia trời đang mưa. Mặt đường _____ và trơn. Lái xe dễ gây tai nạn vì _____. Nhiều bạn đi bộ đến lớp. Giày và áo mưa đều bị _____.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Các em tự chọn phụ âm để ghép vần thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
	ước		
	ước		
	ước		
	ước		
	ước		
	ước		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Bé rước *đen* trung *thư*.

.....

Cây cỏ *ben* hồ *sanh* mướt.

.....

Em ao *uoc* được ngủ thêm mười phút *nửa*.

.....

Giày và *ao* mưa đều bị *ước*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

cứng \neq

dễ \neq

sạch \neq

khóc \neq

- Đặt câu:

Cứng:

Sạch:

Dễ:

Khóc:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “**Buổi Sáng Mùa Đông**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Lạnh buốt:

Mơ ước:

Trơn trượt:

- Đặt câu:

Lạnh buốt:

Mơ ước:

Trơn trượt:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

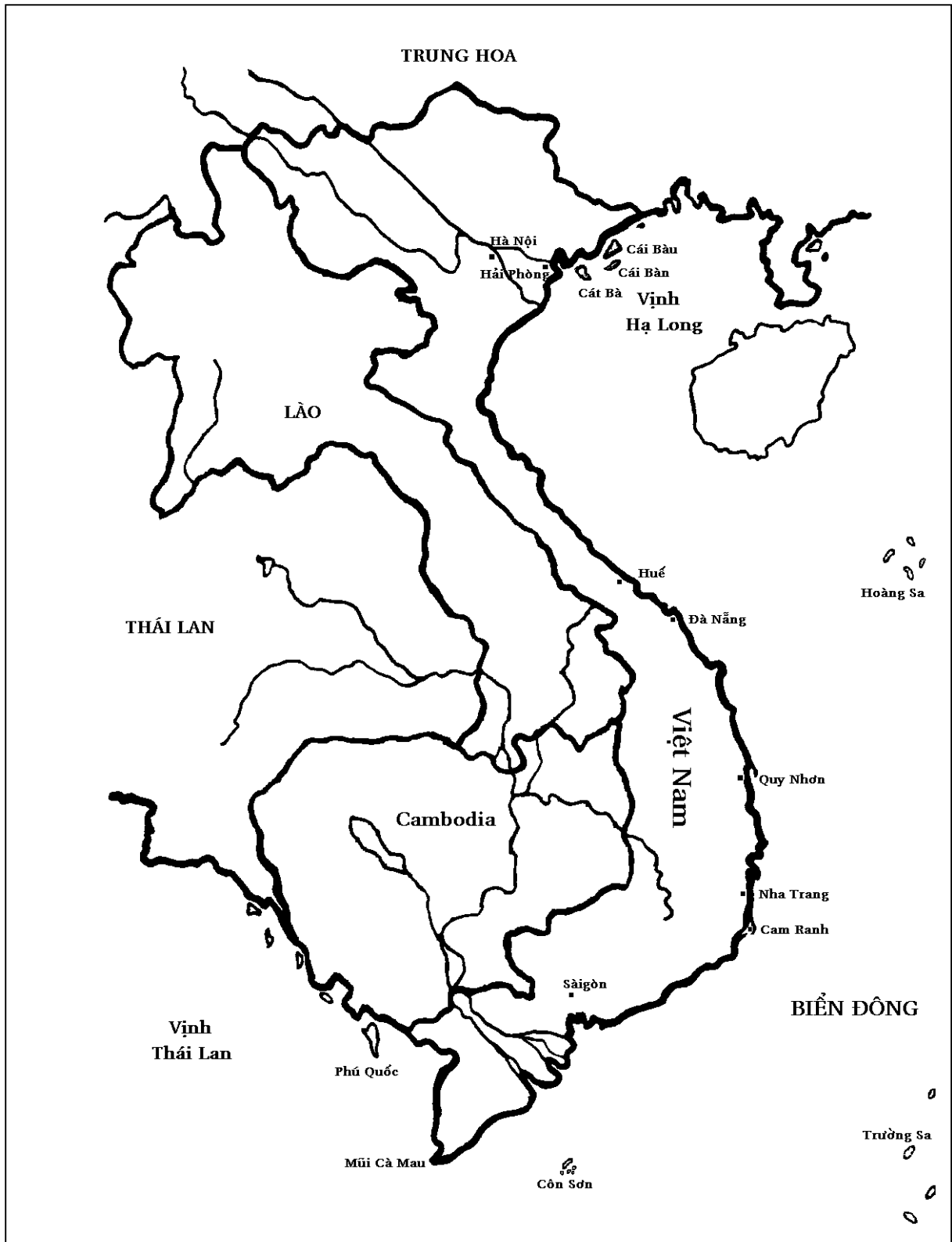
Bài Làm Ở Nhà # 16

- **Học ôn thi.**

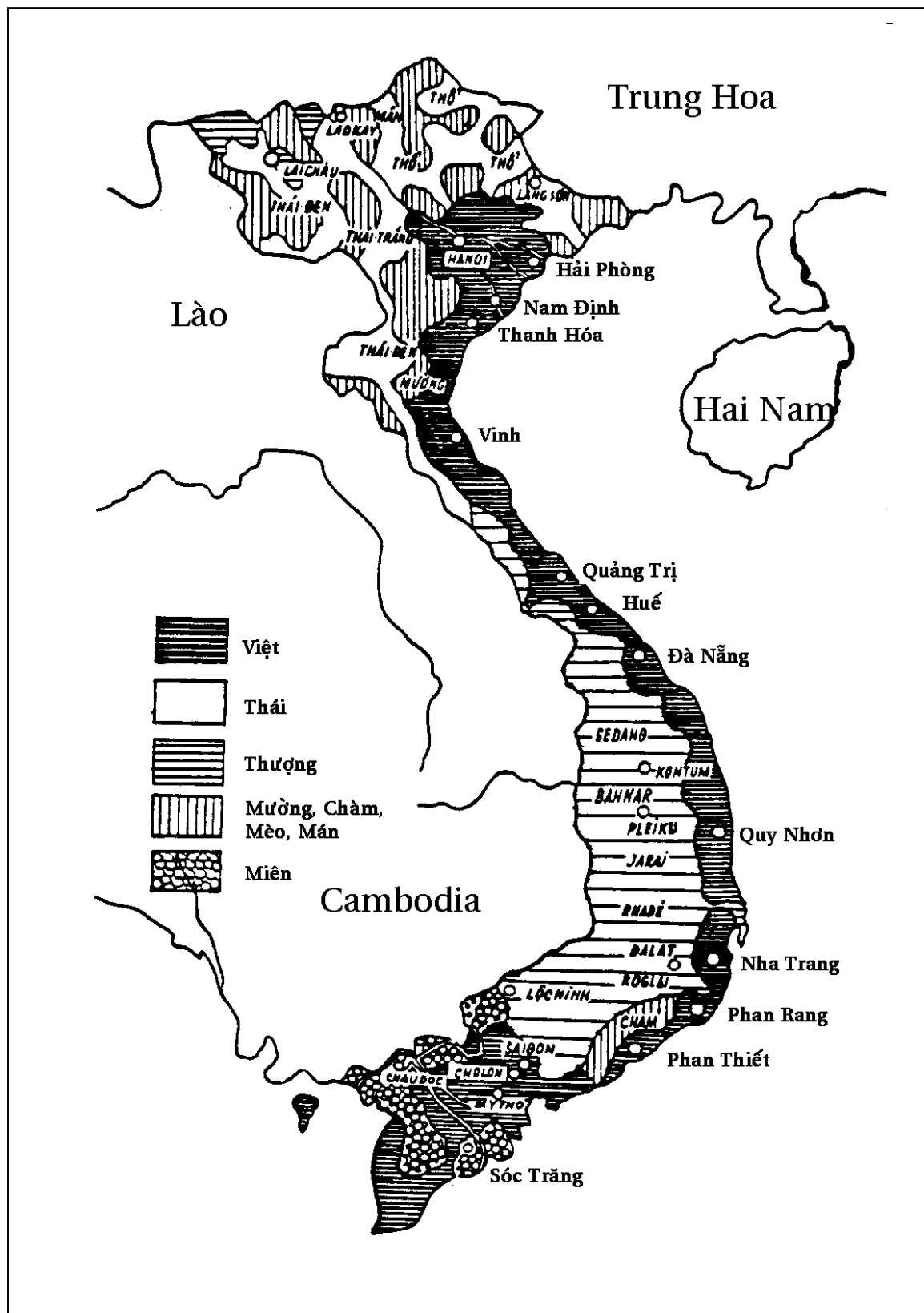
Thầy cô hướng dẫn các em những bài đã học để ôn thi cuối khóa.



Tô màu bản đồ Việt Nam.



Bản Đồ Các Sắc Dân Việt



Quốc Ca Việt Nam

Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi.
Đồng lòng cùng đi hi sinh tiếc gì thân sống.
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thân phơi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến, phải cần giải nguy.
Người công dân luôn vững bền tâm trí.
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.
Công dân ơi, mau hiến thân dưới cờ,
Công dân ơi, mau làm cho cõi bờ,
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,
Xứng danh ngàn năm giòng giống Lạc Hồng.

Lưu Hữu Phước

Việt Nam Việt Nam

Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời,
Việt Nam, hai tiếng nói bên vành nôi,
Việt Nam nước tôi.
Việt Nam, Việt Nam tên gọi là người,
Việt Nam, hai tiếng nói sau cùng khi lìa đời.
Việt Nam, đây miền xinh tươi,
Việt Nam, đem vào sông núi,
Tự Do, Công Bình, Bác Ái muôn đời.
Việt Nam, không đòi xương máu,
Việt Nam, kêu gọi thương nhau,
Việt Nam, đi xây đắp yên vui dài lâu.
Việt Nam, trên đường tương lai,
Lửa thiêng soi toàn thế giới.
Việt Nam, ta nguyện tranh đấu cho đời.
Tình yêu đây là khí giới,
Tình thương đem về muôn nơi,
Việt Nam, đây tiếng nói đi xây tình người.
Việt Nam, Việt Nam.
Việt Nam, quê hương đất nước sáng ngời.
Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam muôn đời.

Phạm Duy

Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.



